

Số: 65 /TTr-UBND.

Hà Nội, ngày 04 tháng 5 năm 2020

TỜ TRÌNH

Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 và kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Thành phố năm 2020 (đợt 1)
(Trình tại kỳ họp bất thường tháng 5/2020 của HĐND Thành phố)

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 của HĐND Thành phố về cập nhật, hoàn thiện Kế hoạch Đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của cấp Thành phố; Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 của HĐND Thành phố về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách cấp thành phố Hà Nội năm 2020, UBND Thành phố đã giao Kế hoạch Đầu tư đầu tư vốn ngân sách Thành phố năm 2020 (sau đây gọi tắt là Kế hoạch Đầu tư công) tại Quyết định số 6999/QĐ-UBND ngày 06/12/2019.

Trong những tháng đầu năm 2020, Thành phố đã triển khai nhiều giải pháp thúc đẩy tiến độ kế hoạch đầu tư công cấp Thành phố như: Ban hành Văn bản chỉ đạo các đơn vị đẩy nhanh tiến độ thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư công trung hạn và năm 2020 (Công văn số 1138/UBND-KH&ĐT ngày 06/4/2020); Đang triển khai để thành lập Tổ công tác của Thành phố chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện giải ngân vốn đầu tư công; Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng; Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc các Sở quản lý xây dựng công trình chuyên ngành (cơ quan thẩm định) phê duyệt một số nội dung quản lý chi phí đầu tư xây dựng của dự án để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện Nghị định 68/2019/NĐ-CP của Chính phủ về chi phí đầu tư xây dựng công trình.

Kết quả thực hiện Kế hoạch Đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 và Kế hoạch Đầu tư công năm 2020 cấp thành phố đã đạt được những kết quả tích cực. Tổng mức kế hoạch vốn trung hạn đã được phê duyệt là 107.303 tỷ đồng. Giai đoạn 2016-2019, Thành phố đã cân đối bố trí là 79.115 tỷ đồng, đã giải ngân 67.490 tỷ đồng, đạt 85,3% kế hoạch đã giao. Lũy kế đến nay, Thành phố đã phân bổ 101.019 tỷ đồng, đạt 94,14% kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020.

Đối với Kế hoạch Đầu tư công năm 2020: Thành phố giao Kế hoạch đầu tư phát triển là 44.918 tỷ đồng; trong đó ngân sách cấp Thành phố là 28.104 tỷ đồng, ngân sách cấp huyện là 16.814 tỷ đồng. Riêng phân bổ cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản tập trung cấp Thành phố gồm 207 dự án, trong đó: 123 dự án chuyển tiếp chiếm 87% tổng số vốn cho các dự án xây dựng cơ bản tập trung của Thành phố, còn lại 84 dự án mới chỉ chiếm 13% tổng số vốn. Đến hết ngày 30/4/2020, tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư phát triển của toàn Thành phố đạt 13,8% kế hoạch, cao hơn mức cùng kỳ năm 2019 là 12,1%. Trong đó, giải ngân vốn xây dựng cơ bản tập trung cấp Thành phố đạt 13,4% kế hoạch vốn. Các dự án dân sinh bức xúc, dự án trong lĩnh

vực nông nghiệp, giáo dục, y tế trực tiếp phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 được đẩy nhanh tiến độ. Số dự án đã hoàn thành là 25 dự án (chiếm 23% số dự án dự kiến hoàn thành theo kế hoạch đầu năm - 108 dự án). Trong số 84 dự án mới, đến nay, đã phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu 82/84 dự án; hoàn thành phê duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công - tổng dự toán 56/84 dự án; tổ chức đấu thầu và khởi công 30 dự án, còn 54 dự án tiếp tục đấu thầu, khởi công trong các tháng tiếp theo.

Mặc dù, tiến độ triển khai và tỷ lệ giải ngân có cải thiện so với cùng kỳ năm trước nhưng vẫn còn thấp và chậm tiến độ so với yêu cầu.

Trên cơ sở các kịch bản tăng trưởng kinh tế - xã hội do ảnh hưởng của dịch Covid-19, dự báo kịch bản hết quý II/2020 dịch bệnh được kiểm soát, thu ngân sách trên địa bàn ước hụt thu khoảng 36.000 - 39.000 tỷ đồng; trong đó thu ngân sách địa phương ước hụt thu khoảng 10.000 - 12.000 tỷ đồng. Để bù đắp nguồn hụt thu ngân sách, Thành phố sẽ tiết kiệm từ chi thường xuyên không thấp hơn 5% theo tinh thần chỉ đạo của Thành ủy, sử dụng nguồn kết dư ngân sách, quỹ dự trữ tài chính. Thành phố phân bổ tập trung nguồn lực để bố trí kinh phí cho đầu tư phát triển như kế hoạch vốn đã giao đầu năm 2020. Đồng thời, tiếp tục theo dõi diễn biến của dịch Covid-19, chỉ đạo thực hiện kế hoạch đầu tư công và giải ngân của các dự án theo nguyên tắc tích cực và thận trọng.

Tại Thông báo kết luận số 2558-TB/TU ngày 14/4/2020 của Thường trực Thành ủy tại Hội nghị làm việc với Ban cán sự Đảng UBND Thành phố về tình hình phân bổ, thực hiện, giải ngân Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020, định hướng giải đoạn 2021-2025, Thường trực Thành ủy kết luận: *“Khả năng hoàn thành Kế hoạch Đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của Thành phố là khả thi; Thành phố xác định đẩy nhanh tiến độ giải ngân đầu tư công là nhiệm vụ quan trọng, song song với nhiệm vụ cấp bách là phòng, chống dịch bệnh Covid-19, góp phần tạo động lực phát triển, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế Thủ đô”*.

Qua rà soát tiến độ thực hiện của từng dự án xây dựng cơ bản tập trung cấp thành phố, có một số dự án đang có vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, không đảm bảo tiến độ giải ngân. Bên cạnh đó, có một số dự án có nhu cầu bổ sung vốn so với Kế hoạch Đầu tư công năm 2020 đã giao, như: (1) các dự án cấp bách về đô thị, dự án bức xúc dân sinh; (2) các dự án đã được bố trí kế hoạch vốn năm 2018 để hoàn thành dự án, nhưng chủ đầu tư không thực hiện được hết phần vốn năm 2018 (gồm cả phần vốn kéo dài sang năm 2019), kế hoạch năm 2020 không được bố trí vốn, nay cần bố trí lại phần kế hoạch vốn đã bị hủy để hoàn thành dự án; (3) một số dự án có khả năng thực hiện tốt có thể đẩy nhanh tiến độ; (4) một số dự án mới đã hoàn thành thủ tục, đủ điều kiện phân bổ vốn để đẩy nhanh tiến độ giải ngân.

Do vậy, để đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân, đảm bảo thực hiện mục tiêu kép “đẩy lùi dịch bệnh, phát triển kinh tế - xã hội” trong bối cảnh Thành phố bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, UBND Thành phố kính trình HĐND Thành phố điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 và kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Thành phố năm 2020 (đợt 1). Nội dung cụ thể như sau:

I. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 và kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Thành phố năm 2020 (đợt 1)

1. Nguyên tắc điều chỉnh

(1). Tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công; đảm bảo mục tiêu, định hướng, nguyên tắc phân bổ và thứ tự ưu tiên phân bổ vốn ngân sách Thành phố giai đoạn 2016-2020 đã được HĐND Thành phố quyết nghị tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 06/12/2016.

(2). Điều chỉnh Kế hoạch Đầu tư công năm 2020 không làm thay đổi tổng Kế hoạch vốn Đầu tư công đã giao theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 của HĐND Thành phố.

(3). Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đối với các dự án gặp vướng mắc trong quá trình thực hiện, dự án chậm tiến độ không có khả năng thực hiện hết kế hoạch vốn đã giao.

(4). Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn theo thứ tự ưu tiên các dự án như sau: các dự án cấp bách, bức xúc dân sinh; các dự án bổ sung vốn để hoàn thành công trình trong năm 2020; các dự án có khả năng thực hiện tốt có thể đẩy nhanh tiến độ; các dự án mới đã đủ thủ tục, ưu tiên các lĩnh vực: y tế, giáo dục, môi trường, nông nghiệp, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, xây dựng nông thôn mới nâng cao, các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật khung để bố trí vốn, đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

2. Phương án điều chỉnh Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016 - 2020 và kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Thành phố năm 2020

2.1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn các dự án đầu tư

(1) Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn năm 2020: 2.112.500 triệu đồng. Trong đó:

- Chi đầu tư XD CB tập trung cấp Thành phố giảm (28 dự án):	2.014.500 triệu đồng.
- Chi đầu tư dự án chương trình mục tiêu Thành phố giảm (01 dự án):	98.000 triệu đồng.

(2) Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn năm 2020: 2.112.500 triệu đồng.

- Chi đầu tư XD CB tập trung cấp Thành phố tăng, trong đó:	1.824.500 triệu đồng.
+ Các dự án đề điều cấp bách, bức xúc dân sinh (18 dự án):	174.700 triệu đồng
+ Nhóm dự án đã được bố trí kế hoạch vốn năm 2018 bị hủy kế hoạch vốn năm 2018 kéo dài sang 2019	366.000 triệu đồng

<i>không giải ngân hết (19 dự án)</i>	
+ Các dự án mới đủ điều kiện bố trí vốn (07 dự án)	244.000 triệu đồng
+ Các dự án có tiến độ giải ngân tốt, cần đẩy nhanh tiến độ (37 dự án)	1.039.800 triệu đồng
- Chi đầu tư dự án theo cơ chế đặc thù từ nguồn thu tiền sử dụng đất tăng (06 dự án):	277.000 triệu đồng.
- Dự án có sử dụng vốn tài trợ của DN (01 dự án):	11.000 triệu đồng.

(Chi tiết tại các phụ lục 1, 2, 3, 4,5 đính kèm)

Với phương án đề xuất điều chỉnh như trên, dự án hoàn thành năm 2020 sẽ tăng thêm 42 dự án so với kế hoạch năm 2020 đã giao.

II. Về phân bổ chi tiết phần vốn NSTW bố trí thu hồi ứng trước đến hết Kế hoạch năm 2019 chưa bố trí nguồn để thu hồi

Căn cứ vào khoản 2, Điều 83, Luật Đầu tư công, HĐND Thành phố: “*Xem xét, cho ý kiến về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của địa phương, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu*”.

Theo Quyết định số 1706/QĐ-TTg ngày 29/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ, Thủ tướng giao vốn Ngân sách Trung ương (vốn trong nước) để thu hồi tối thiểu số vốn ứng trước năm 2020 cho thành phố Hà Nội là 161.600 triệu đồng (không kèm danh mục và mức vốn thu hồi chi tiết của từng dự án). Trên cơ sở kết quả rà soát của liên ngành (Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Hà Nội, Sở Kế hoạch và Đầu tư) về số thu hồi vốn ứng trước, UBND Thành phố đề nghị HĐND Thành phố thông qua phân bổ chi tiết phần vốn NSTW bố trí thu hồi ứng năm 2020 cho các dự án:

- Dự án đầu tư phục vụ Đại hội thể thao Châu Á trong nhà lần thứ II (Dự án xây dựng Cung thi đấu điền kinh trong nhà): 140.801 triệu đồng;

- Các dự án, chương trình kỷ niệm 1000 năm Thăng Long, Hà Nội (Công viên Hòa Bình): 20.799 triệu đồng.

(Chi tiết tại phụ lục 6 đính kèm)

III. Đề xuất, kiến nghị

- Đối với nhóm dự án kế hoạch vốn năm 2018 kéo dài sang năm 2019, cần bố trí vốn bổ sung năm 2020 để hoàn thành dự án: Hiện nay còn 06 dự án đang hoàn thiện thủ tục gia hạn thời gian thực hiện dự án để đáp ứng điều kiện bố trí vốn theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 51 Luật Đầu tư công: “*Bảo đảm bố trí đủ vốn để hoàn thành chương trình, dự án theo tiến độ đầu tư đã được phê duyệt*”. Do vậy, UBND Thành phố kính đề nghị HĐND Thành phố cho phép bố trí bổ sung vốn đồng thời chỉ đạo các chủ đầu tư khẩn trương hoàn thành thủ tục phê duyệt gia hạn thời gian thực hiện dự án

trong tháng 5/2020 và tập trung triển khai hoàn thành dự án trong năm 2020.

- Đối với 11 dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải tại các cụm công nghiệp đang hoạt động trên địa bàn để hoàn thành chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVI đã quyết nghị. Hiện nay, các dự án này đều đang hoàn thiện thủ tục phê duyệt dự án để đủ điều kiện phân bổ vốn. UBND Thành phố kính đề nghị HĐND Thành phố cho phép từ nay đến thời điểm các Ban HĐND Thành phố thẩm tra, nếu các dự án được phê duyệt, đủ điều kiện bố trí vốn thì sẽ ưu tiên bố trí cho các dự án này (nhu cầu khoảng 75 tỷ).

UBND Thành phố kính trình HĐND Thành phố xem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Thành ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- Văn phòng Thành ủy;
- Các Sở: KH&ĐT, TC;
- VPUB: CVP, PCVP, TKBT, KT;
- Lưu: VT, KTCông.



Nguyễn Đức Chung

BIỂU TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016-2020 VÀ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2020 CẤP THÀNH PHỐ (Đợt 1)

(Kèm theo Tờ trình số 66 /TTr-UBND ngày 07/5/2020 của UBND thành phố Hà Nội)

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Mức vốn trung hạn 2016-2020 đã		Lũy kế giải ngân vốn từ đầu dự án đến hết ngày 31/01/2020	Kế hoạch vốn năm 2020 được giao	Giải ngân KH 2020 đến hết ngày 24/4/2020	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2020	Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Mức vốn trung hạn sau điều chỉnh	Dự án hoàn thành năm 2020	Ghi chú
		A	B	C	Tổng số	Trong đó năm 2020								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ	3	81	33	14.470.747	5.552.581	12.083.807	4.404.000	438.096		4.404.000	13.352.016	47	
	Tổng số dự án điều chỉnh giảm kế hoạch vốn	1	22	6	5.965.635	3.852.075	2.001.921	3.051.000	188.172	-2.112.500	938.500	3.081.910	1	
	Tổng số dự án tăng kế hoạch vốn	2	59	27	8.505.112	1.700.506	10.081.886	1.353.000	249.924	2.112.500	3.465.500	10.270.106	46	
I	VỐN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ CÁC DỰ ÁN XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG	3	73	33	13.698.474	5.032.581	11.918.608	4.046.000	367.630	-190.000	3.856.000	12.551.743	47	
1	DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH VỐN	1	21	6	5.865.635	3.752.075	2.000.821	2.951.000	188.172	-2.014.500	936.500	3.079.910	1	
2	DỰ ÁN TĂNG KẾ HOẠCH VỐN	2	52	27	7.832.839	1.280.506	9.917.787	1.095.000	179.458	1.824.500	2.919.500	9.471.833	46	
	Dự án có số vốn năm 2018 kéo dài sang năm 2019 nhưng không giải ngân hết trong năm 2019, cần bổ sung vốn năm 2020		16	3	1.858.528	8.000	2.555.045			366.000	366.000	2.216.528	19	
	Dự án đã có trong trung hạn 2016-2020 và cân đối vốn	2	31	4	5.974.311	1.272.506	7.362.742	1.095.000	179.458	1.039.800	2.134.800	6.836.605	10	
	Dự án mới trong danh mục hoàn thiện công tác chuẩn bị đầu tư thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 (danh mục 65 dự án)		5	2						244.000	244.000	244.000		
	Dự án mới chưa thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 (Các dự án cấp bách đề điều)			18						174.700	174.700	174.700	17	
II	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VÀ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU THÀNH PHỐ		1		100.000	100.000	1.100	100.000		-98.000	2.000	2.000		
1	DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH VỐN		1		100.000	100.000	1.100	100.000		-98.000	2.000	2.000		
2	DỰ ÁN TĂNG KẾ HOẠCH VỐN													
III	CÁC DỰ ÁN THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ ĐẶC THÙ SỬ DỤNG NGUỒN THU TỪ SỬ DỤNG ĐẤT		6		545.000	420.000	136.906	258.000	70.466	277.000	535.000	660.000		
1	DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH VỐN													
2	DỰ ÁN TĂNG KẾ HOẠCH VỐN		6		545.000	420.000	136.906	258.000	70.466	277.000	535.000	660.000		
	Dự án đã có trong trung hạn 2016-2020 và cân đối vốn		6		545.000	420.000	136.906	258.000	70.466	277.000	535.000	660.000		
IV	CÁC DỰ ÁN TRIỂN KHAI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẰNG NGUỒN HUY ĐỘNG, ĐÓNG GÓP TỪ CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN		1		127.273		27.193			11.000	11.000	138.273		
1	DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH VỐN													
2	DỰ ÁN TĂNG KẾ HOẠCH VỐN		1		127.273		27.193			11.000	11.000	138.273		
	Dự án có số vốn năm 2018 kéo dài sang năm 2019 nhưng không giải ngân hết trong năm 2019, cần bổ sung vốn năm 2020		1		127.273		27.193			11.000	11.000	138.273		

Phụ lục 02
TỔNG ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016-2020 VÀ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2020 CÁC DỰ ÁN XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG CẤP THÀNH PHỐ (Đợt 1)
(Kèm theo Tờ trình số 66 /TT-UBND ngày 15/5/2020 của UBND thành phố Hà Nội)

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn trung hạn 2016-2020 đã		Lấy kế giải ngân vốn từ đầu dự án đến hết ngày 31/01/2020	Kế hoạch vốn năm 2020 được giao	Giải ngân KH 2020 đến hết ngày 24/4/2020	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2020	Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Mức vốn trung hạn sau điều chỉnh	Dự án hoàn thành năm 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó năm 2020									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	TỔNG SỐ	1	73	33					40.351.027	13.698.474	5.032.581	11.918.608	4.046.000	367.630	-190.000	3.856.000	12.551.743	47		
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	1	15						12.729.868	2.536.986	204.850	8.334.857	172.000	3.371	202.500	334.500	2.696.486	12		
	Dự án chuyển tiếp năm 2016		5	2					4.505.346	3.702.516	165.000	1.341.746	115.000	28.308	130.000	245.000	3.782.516	5		
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2019	1	33	3					17.161.703	6.870.466	4.080.225	2.239.888	3.236.000	295.954	-1.441.000	1.795.000	4.585.241	12		
	Dự án khởi công mới năm 2020	1	20	28					5.954.110	588.306	582.506	2.117	563.000	39.997	918.500	1.491.500	1.487.500	18		
	DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH VỐN	1	21	6					15.682.164	5.865.635	3.752.075	2.000.821	2.951.000	188.172	-2.014.500	936.500	3.079.910	1		
	DỰ ÁN TĂNG KẾ HOẠCH VỐN	2	52	27					24.668.863	7.832.839	1.280.506	9.917.787	1.095.000	179.458	1.824.500	2.919.500	9.471.833	46		
	Dự án có số vốn năm 2018 kéo dài sang năm 2019 nhưng không giải ngân hết trong năm 2019, cần bổ sung vốn năm 2020		16	3					3.611.254	1.858.528	8.000	2.555.045	-	-	366.000	366.000	2.216.528	19		
	Dự án đã có trong trung hạn 2016-2020 và cần đổi vốn	2	31	4					19.301.025	5.974.311	1.272.506	7.362.742	1.095.000	179.458	1.039.800	2.134.800	6.836.605	10		
	Dự án mới trong danh mục hoàn thiện công tác chuẩn bị đầu tư thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 (danh mục 63 dự án)		5	2					1.334.181	-	-	-	-	-	244.000	244.000	244.000			
	Dự án mới chưa thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 (Các dự án cấp bách đã điều)			18					222.403	-	-	-	-	-	174.700	174.700	174.700	17		
A	Dự án để nghỉ giảm kế hoạch vốn 2020	1	21	6					15.682.164	5.865.635	3.752.075	2.000.821	2.951.000	188.172	-2.014.500	936.500	3.079.910	1		
I	Lĩnh vực giao thông, cầu đường và xây dựng	1	1						64.000	55.000	40.000	3.321	40.000	3	-10.000	30.000	45.000			
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2019	1	1						64.000	55.000	40.000	3.321	40.000	3	-10.000	30.000	45.000			
I	Xây dựng, cải tạo trường THPT Trưng Đình, quận Hoàng Mai	1			Hoàng Mai	2019-2020	04 khối nhà - 24 phòng học	4836/QĐ-UBND ngày 16/7/2019	64.000	55.000	40.000	3.321	40.000	3	-10.000	30.000	45.000		Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp	Vướng mặt bằng, chuẩn khởi công, không giải ngân hết vốn
II	Lĩnh vực an ninh	1	1						446.773	400.000	300.000	99.990	300.000	114.550	-155.000	145.000	245.000			
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2019	1	1						446.773	400.000	300.000	99.990	300.000	114.550	-155.000	145.000	245.000			
I	Dầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị PC&CC, cứu hộ, cứu nạn cho lực lượng cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy thành phố Hà Nội	1			Hà Nội	2019-2020		Số 5968/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	446.773	400.000	300.000	99.990	300.000	114.550	-155.000	145.000	245.000		Ban QLDA ĐTXD công trình văn hóa - xã hội TP HN	Đo ảnh hưởng của dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp Covid - 19. Do vậy, thiết bị nhập khẩu phải kéo giãn thời gian.
III	Lĩnh vực môi trường	1	1						336.029	280.000	230.000	3.360	115.000	-	-80.000	35.000	85.000			
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2019	1	1						336.029	280.000	230.000	3.360	115.000	-	-80.000	35.000	85.000			
I	Nạo vét bùn Hồ Tây	1			Tây Hồ	2019-2020	Toàn hồ	2606/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	336.029	280.000	230.000	3.360	115.000	-	-80.000	35.000	85.000		BQLDA ĐTXDCT cấp nước, thoát nước và môi trường	Chưa xác định được địa điểm đổ bùn, chuẩn khởi công, không giải ngân hết vốn
IV	Các lĩnh vực hoạt động kinh tế	1	14	6					14.835.362	5.138.635	3.182.075	1.894.158	2.496.000	73.619	-1.769.500	726.500	2.706.910	1		
IV.1	Lĩnh vực hạ tầng giao thông	1	16	5					14.491.848	4.915.135	3.063.075	1.734.354	2.377.000	70.654	-1.733.500	643.500	2.525.410			
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	1	3						2.387.505	737.038	141.850	597.901	82.000	-	-12.500	49.500	674.538			
I	Dự án Tăng cường giao thông đô thị bên vũng cho dự án Đường sắt đô thị số 3 Hà Nội	1			Nam Từ Liêm, Bắc Từ Liêm, Cầu Giấy, Ba Đình, Đống Đa, Hoàn Kiếm	2014-2022	hệ thống tiếp cận của 12 ga tuyến 3, XD 02 điểm trung chuyển	số 3921/QĐ-UBND ngày 23/7/2014, số 5754/QĐ-UBND ngày 25/10/2018, số 7030/QĐ-UBND ngày 10/12/2019	1.237.950	166.400	81.850	13.624	52.000	-	-6.000	46.000	160.400		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	CDT để nghỉ tại Văn bản số 721/BQLCTGT-KH ngày 16/4/2020; giảm KH vốn năm 2020 do phải điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu kỹ thuật
	Vốn ODA cấp phát								1.116.150	123.500	60.000	2.976	30.150	-	-	30.150	123.500			
	Vốn ODA vay lại								28.850	14.850	1.466	14.850	-	-	-	14.850	28.850			
	Vốn trong nước								121.800	14.050	7.000	9.183	7.000	-	-6.000	1.000	8.050			
2	Dự án cải tạo, nâng cấp quốc lộ 1A đoạn Văn Điển - Ngọc Hồi (Km185 - Km189)	1			Thanh Trì	2010-2020	3.814m (39 - 56) km	số 3553/QĐ-UBND ngày 19/7/2010; số 6010/QĐ-UBND ngày 28/8/2017; số 1951/QĐ-UBND ngày 23/4/2019	887.735	493.638	50.000	475.104	20.000	-	-18.500	1.500	445.138		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	CDT để nghỉ tại Văn bản số 721/BQLCTGT-KH ngày 16/4/2020; giảm KH vốn năm 2020 do vướng mức công tác giải phóng mặt bằng (104 phương án chưa thẩm định phê duyệt; 326 phương án chưa nhận tiền đền bù)
3	Dự án đầu tư xây dựng đường gom cầu Giẽ - Phú Yên - Văn Từ (tuyến phía tây đường sắt), huyện Phú Xuyên	1			Phú Xuyên	2013-2020	L=5,67km; B=12m	số 5064/QĐ-UBND ngày 31/10/2011, số 4012/QĐ-UBND ngày 11/8/2012, 183/QĐ-UBND ngày 10/01/2013; số 3683/QĐ-UBND ngày 03/8/2015; số 1985/QĐ-UBND ngày 05/5/2018	261.820	77.000	10.000	109.173	10.000	-	-8.000	2.000	69.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	CDT để nghỉ tại Văn bản số 721/BQLCTGT-KH ngày 16/4/2020; giảm KH vốn năm 2020 do vướng mức công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư (222 phương án chưa thẩm định phê duyệt; 81 phương án chưa nhận tiền đền bù; chưa xây dựng khu tái định cư)
b	Dự án chuyển tiếp năm 2016	2							905.036	494.710	155.000	331.263	101.000	24.444	-24.000	81.000	420.710			

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Năng lực Thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn trung hạn 2016-2020 đã		Lấy kế giải ngân vốn từ đầu dự án đến hết ngày 31/01/2020	Kế hoạch vốn năm 2020 được giao	Giải ngân KH 2020 đến hết ngày 24/4/2020	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2020	Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Mức vốn trung hạn sau điều chỉnh	Dự án hoàn thành năm 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó năm 2020									
1	Công trình trọng điểm: Xây dựng cầu vượt tại nút giao An Dương - đường Thanh Niên để hạn chế ùn tắc giao thông, quận Ba Đình và quận Tây Hồ		1		Ba Đình, Tây Hồ	2017-2020	L=271m; B=10m; ĐB BTCT L=100m; Phần bc L=3,7Km	số 366/QĐ-UBND ngày 19/6/2017, số 12/NQ-HĐND ngày 05/12/2018, số 3378/QĐ-UBND ngày 24/8/2019	815.864	440.000	150.000	290.000	100.000	24.444	-20.000	80.000	370.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	CDT đề nghị tại Văn bản số 721/BQLCTGT-KH ngày 16/4/2020, giám KH vốn năm 2020 do phát hiện sai sót trong phương án thiết kế đoạn từ ngã 124 Âu Cơ đến nút giao Lạc Long Quân theo đề nghị Bộ NN&PTN
2	Dự án xây dựng nâng cấp mở rộng đường nhánh nối QL1A với đường cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ, đoạn qua KCN hỗ trợ Nam Hà Nội		1		Phủ Xuyên	2015-2019	L=685m, B=44,45m	số 3084/QĐ-UBND ngày 02/7/2015, số 572/VP-QT ngày 05/02/2018	89.172	54.710	5.000	41.263	5.000		-4.000	1.000	50.710		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	CDT đề nghị tại Văn bản số 721/BQLCTGT-KH ngày 16/4/2020, giám KH vốn năm 2020 do vướng mức công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư (13 phương án chưa nhận được đền bù, chưa xây dựng khu tái định cư)
c Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2019		1	10	1					10.879.045	3.583.387	2.666.225	805.190	2.690.000	45.940	-1.627.000	463.000	1.380.162			
1	Xây dựng tuyến đường nối từ cầu Mổ Lao quận Hà Đông đến đường 70 quận Nam Từ Liêm		1		Nam Từ Liêm	2017-2020	L=3.065m, B=40m	số 2307/QĐ-UBND 17/4/2017, số 1878/QĐ-UBND ngày 18/4/2019	436.755	129.000	20.000	106.052	20.000	500	-10.000	10.000	119.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	CDT đề nghị tại Văn bản số 721/BQLCTGT-KH ngày 16/4/2020, giám KH vốn năm 2020 do vướng mức công tác GPMH (hiện còn 809 phương án chưa được thẩm định, phê duyệt)
2	Xây dựng hoàn thiện nút giao Chử Bô - Thủ Hà theo quy hoạch tại góc 1/4 nút giao từ Học viện Ngân hàng đến công trường Đại học Công đoàn		1		Đống Đa	2015-2020	Hoàn thiện 1/4 nút giao theo quy hoạch	5572/QĐ-UBND 28/10/2014, 8006/QĐ-UBND 17/11/2017	535.712	37.000	20.000	1.758	20.000		-17.000	3.000	20.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	CDT đề nghị tại Văn bản số 721/BQLCTGT-KH ngày 16/4/2020, giám KH vốn năm 2020 do vướng mức công tác giải phóng mặt bằng, quỹ nhà tái định cư (kiếm được 38 phương án/110 phương án; quỹ nhà tái định cư của dự án chưa xây dựng)
3	Cải tạo nâng cấp đường 35 đoạn giữa tuyến (Km 4+469,12 đến Km 12 +733,55)		1		Sóc Sơn	2015-2020	L=8.264m, B=12,0m	5570/QĐ-UBND 28/10/2014	197.204	168.500	50.000	35.631	50.000		-48.000	2.000	120.500		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	CDT đề nghị tại Văn bản số 721/BQLCTGT-KH ngày 16/4/2020, giám KH vốn năm 2020 do vướng mức công tác giải phóng mặt bằng, quỹ nhà tái định cư (1.119 phương án chưa thẩm định phê duyệt; 06 phương án chưa nhận được đền bù; chưa có quỹ nhà tái định cư 150 căn)
4	Công trình trọng điểm 2016-2020: Xây dựng đường vành đai 1, đoạn Hoàng Cầu - Voi Phục, thành phố Hà Nội, giải đoạn 1	1			Đống Đa, Ba Đình	2018-2020	2,270mx50m; 02 cầu vượt	5757/QĐ-UBND 25/10/2018	7.210.958	2.129.887	2.006.225	129.887	1.500.000	2.299	-1.300.000	200.000	323.662		BQLDA ĐTXD công trình đến dựng và công nghiệp	Vướng giải phóng mặt bằng
5	Dự án trọng điểm: Đầu tư xây dựng hầm chui tại nút giao giữa đường vành đai 2,5 với đường Giải Phóng (QL1A cũ), quận Hoàng Mai		1		Hoàng Mai	2019-2020	Lhầm=520m (140m hầm kín; 2x190m hầm hở); Bkh=22,6m; Hh=23,6m	5804/QĐ-UBND 26/10/2018	671.653	93.000	90.000	5.450	40.000	1.000	-37.000	3.000	6.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	CDT đề nghị tại Văn bản số 721/BQLCTGT-KH ngày 16/4/2020, giám KH vốn năm 2020 do hiện nay CBT đang phải điều chỉnh CCTB
6	Hoàn thiện các tuyến đường xung quanh khu đất dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện và Trung tâm thương mại tại phường Dương Nội, quận Hà Đông		1		Hà Đông, Nam Từ Liêm	2018-2020	L=1,8Km, B=27m-40m	3691/QĐ-UBND 20/7/2018	219.485	174.000	20.000	135.504	20.000		-12.000	8.000	162.000		UBND quận Hà Đông	1046/UBND-TC, ngày 16/4/2020
7	Xây dựng đường Phương Mai - Sóng Lũ		1		Đống Đa	2018-2020	L=325,92m; B=17,25m (Bm=10,5m); Bhe=2x3,375m	1966/QĐ-UBND 4/5/2016, 4080/QĐ-UBND 09/8/2018	225.792	11.000	10.000	2.152	10.000		-9.000	1.000	2.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	CDT đề nghị tại Văn bản số 721/BQLCTGT-KH ngày 16/4/2020, giám KH vốn năm 2020 do vướng mức công tác giải phóng mặt bằng, quỹ nhà tái định cư (100 phương án chưa phê duyệt; chưa có quỹ nhà tái định cư)
8	Xây dựng đoạn tuyến đường từ nút Bộ Tư lệnh Thông tin trên đường Cát Linh - La Thanh đến đường Tôn Đức Thắng (thuộc tuyến đường ga Hà Nội - Tôn Đức Thắng - Hào Nam - phố Núi Trúc)		1		Đống Đa	2018-2020	L=600m B=25m	4888/QĐ-UBND 21/10/2011	189.840	11.000	10.000	2.667	10.000		-9.000	1.000	2.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	CDT đề nghị tại Văn bản số 721/BQLCTGT-KH ngày 16/4/2020, giám KH vốn năm 2020 do phát hiện sai sót trong nghiên cứu kỹ thuật
9	Mở rộng Quốc lộ 1A đoạn Km189 đến Km194 qua địa bàn huyện Thường Tín		1		Thường Tín	2019-2020	L=5Km, 1/2 mặt cắt B=13m-20,5m	1503/QĐ-UBND ngày 29/9/2019	247.268	210.000	140.000	70.000	140.000		-70.000	70.000	140.000		UBND huyện Thường Tín	Vướng GPMH, chậm triển khai, vốn 2019 kéo dài sang 2020 chưa giải ngân.

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Năng lực Thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn trung hạn 2016-2020 đã		Lấy kế giải ngân vốn từ đầu dự án đến hết ngày 31/01/2020	Kế hoạch vốn năm 2020 được giao	Giải ngân KH 2020 đến hết ngày 24/4/2020	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2020	Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Mức vốn trung hạn sau điều chỉnh	Dự án hoàn thành năm 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó năm 2020									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
10	Đầu tư xây dựng công trình cầu Vân Từ			1	Phước Xuyên	2018-2020	L=95,1m; B=9m	3638/QĐ-UBND ngày 22/10/2018	35.169	30.000	20.000	10.092	20.000	251	-10.000	10.000	20.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	CDT đề nghị tại Văn bản số 721/BQLCTGT-KH ngày 16/4/2020, giảm KH vốn năm 2020 do dự toán giảm so với TMBT được duyệt
11	Xây dựng tuyến đường quy hoạch 24,5m từ đê sông Đường đến đường Dốc Lã - Ninh Hiệp		1		Gia Lâm	2018-2020	L=2.160m; B=24,5-25m	9012/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	348.927	150.000	100.000	44.144	80.000	24	-45.000	35.000	85.000		UBND huyện Gia Lâm	Vướng GPMB, chậm triển khai, vốn 2019 kéo dài sang 2020 chưa giải ngân.
12	Công trình trọng điểm 2016-2020. Dự án xây dựng cầu vượt nút giao giữa đường Hoàng Quốc Việt - đường Nguyễn Văn Huyền và hoàn thiện đường Nguyễn Văn Huyền theo quy hoạch		1		Cầu Giấy	2018-2020	L=418,28m; 05 nhịp (45+3x60+45)m; B=16m	CT: số 477/HĐND-KTNS ngày 19/9/2017, 306/HĐND-KTNS ngày 08/6/2018; DA: số 3974/QĐ-UBND ngày 03/8/2018; số 7131/QĐ-UBND ngày 17/12/2019	560.282	440.000	180.000	261.853	180.000	41.866	-60.000	120.000	380.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	CDT đề nghị tại Văn bản số 721/BQLCTGT-KH ngày 16/4/2020, giảm KH vốn năm 2020 do kinh phí GPMB thực tế thấp hơn so với TMBT được duyệt
d	Dự án khởi công mới năm 2020		1	4					320.262	100.000	100.000	-	100.000	270	-50.000	50.000	50.000			
1	Dự án xây dựng cầu Nông Lâm			1	Quốc Oai	2019 - 2021	L=40m; B=10m	6077/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	20.446	18.000	18.000	-	18.000		-10.000	8.000	8.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	CDT đề nghị tại Văn bản số 721/BQLCTGT-KH ngày 16/4/2020, giảm KH vốn năm 2020 do hiện nay CDT đang lựa chọn đơn vị tư vấn lập thiết kế BVTC - dự toán
2	Dự án xây dựng cầu Yên Hòa			1	Đống Đa, Cầu Giấy	2019 - 2021	L=41,4m; B=21,25m	6081/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	37.759	15.000	15.000	-	15.000		-5.000	10.000	10.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	CDT đề nghị tại Văn bản số 721/BQLCTGT-KH ngày 16/4/2020, giảm KH vốn năm 2020 do hiện nay CDT đang lựa chọn đơn vị tư vấn lập thiết kế BVTC - dự toán
3	Dự án xây dựng cầu Trì Thủy			1	Chương Mỹ	2019 - 2021	L=190,26m; L=70,2m; B=8m	6082/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	27.536	15.000	15.000	-	15.000	270	-8.000	7.000	7.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	CDT đề nghị tại Văn bản số 721/BQLCTGT-KH ngày 16/4/2020, giảm KH vốn năm 2020 do hiện nay CDT đang lựa chọn đơn vị tư vấn lập thiết kế BVTC - dự toán
4	Dự án xây dựng cầu Cao Thiển			1	Thạch Thất	2019 - 2021	L=99,76m; B=9m	6075/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	58.741	17.000	17.000	-	17.000		-7.000	10.000	10.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	CDT đề nghị tại Văn bản số 721/BQLCTGT-KH ngày 16/4/2020, giảm KH vốn năm 2020 do hiện nay CDT đang lựa chọn đơn vị tư vấn lập thiết kế BVTC - dự toán
5	Xây dựng cầu Cường Kiên, quận Nam Từ Liêm		1		Quận Nam Từ Liêm	2019 - 2022	Cầu: L=70,3m; B=30m; đường đầu cầu: L=71,1m; B=30m	6076/QĐ-UBND 31/10/2019	175.780	35.000	35.000		35.000		-20.000	15.000	15.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	CDT đề nghị tại Văn bản số 721/BQLCTGT-KH ngày 16/4/2020, giảm KH vốn năm 2020 do hiện nay CDT đang lựa chọn đơn vị tư vấn lập thiết kế BVTC - dự toán
IV.2	Lĩnh vực thủy lợi		2	1					343.514	215.500	119.000	159.796	119.000	2.965	-36.000	83.000	179.500	1		
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2019		2	1					343.514	215.500	119.000	159.796	119.000	2.965	-36.000	83.000	179.500	1		
1	Nâng cấp hệ thống tiêu Bình Phú, huyện Thạch Thất		1		Thạch Thất	2010-2020	Tiêu 1.390ha	109/QĐ-UBND 11/01/2019, 4397/QĐ-UBND 08/9/2010, 3293/QĐ-UBND ngày 19/6/2019	161.715	90.000	60.000	90.732	60.000	288	-20.000	40.000	70.000	1	Ban QLDA ĐTXD CT Nông nghiệp và PTNT	Vướng GPMB, chậm tiến độ, không giải ngân hết vốn
2	Cải tạo nâng cấp hệ thống trạm bơm tiêu Phú Đồng, huyện Gia Lâm		1		Gia Lâm	2018-2020	Tiêu 690ha	5569/QĐ-UBND 28/10/2014; 984/QĐ-UBND ngày 06/6/2020	107.539	79.000	14.000	67.344	14.000	481	-3.000	11.000	76.000		Ban QLDA ĐTXD CT Nông nghiệp và PTNT	Vướng GPMB, chậm tiến độ, không giải ngân hết vốn
3	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tưới tiêu An Mỹ I, huyện Mỹ Đức			1	Mỹ Đức	2019-2021	Tiêu 1.212ha, Tưới 150ha	3313/QĐ-UBND 20/6/2019	74.260	46.500	45.000	1.720	45.000	2.196	-13.000	32.000	33.500		Ban QLDA ĐTXD CT Nông nghiệp và PTNT	Vướng GPMB, chậm tiến độ, không giải ngân hết vốn
B	Dự án bổ sung danh mục và vốn kế hoạch vốn năm 2020	2	52	27					24.668.863	7.832.839	1.280.506	9.917.787	1.095.000	179.458	1.824.500	2.919.500	9.471.833	46		
B1	Dự án cơ sở vốn năm 2018 kéo dài sang năm 2019 nhưng không giải ngân hết trong năm 2019, cần bổ sung vốn năm 2020		16	3					3.611.254	1.858.528	8.000	2.555.045			366.000	366.000	2.216.528	19		
I	Lĩnh vực giao thông vận tải và xây dựng		1						113.454	65.000	8.000	73.681	-	-	55.000	55.000	112.000	1		
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015		1						113.454	65.000	8.000	73.681	-	-	55.000	55.000	112.000	1		
1	Xây dựng, cải tạo Trường cán bộ Đội Lê Duẩn giai đoạn 2		1		Ba Đình	2010-2020	25 phòng	6035/QĐ-UBND ngày 21/12/2009, 5693/QĐ-UBND ngày 15/11/10, 7307/QĐ-UBND ngày 30/12/2013	113.454	65.000	8.000	73.681			55.000	55.000	112.000	1	Trường Đội Lê Duẩn	Chức đầu tư đã trình Sở Xây dựng điều chỉnh dự án (TMBT đề nghị điều chỉnh 132.899 tỷ đồng), số kế hoạch 2018 kéo dài bị hủy là 38.856 triệu đồng
II	Lĩnh vực môi trường		1						231.523	137.450	-	168.277	-	-	15.000	15.000	152.450	1		
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015		1						231.523	137.450	-	168.277	-	-	15.000	15.000	152.450	1		

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Năng lực Thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn trung hạn 2016-2020 đã		Lấy kế giải ngân vốn từ đầu dự án đến hết ngày 31/01/2020	Kế hoạch vốn năm 2020 được giao	Giải ngân KH 2020 đến hết ngày 24/4/2020	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2020	Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Mức vốn trung hạn sau điều chỉnh	Dự án hoàn thành năm 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trung đo năm 2020									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
1	Dự án xây dựng nhà máy xử lý nước thải tại xã Sơn Đông, huyện Hoài Đức		1		Hoài Đức	2014-2020	12000m ³ /ngày đêm	5118/QĐ-UBND ngày 16/8/2013	231.523	137.450		168.277			15.000	15.000	152.450	1	BQLDA ĐTXDCT cấp nước, thoát nước và môi trường	Dự án đang trình điều chỉnh dự án. Chủ đầu tư đề nghị bổ sung 15 tỷ; số kế hoạch 2018 kéo dài bị hủy là 16.086 triệu đồng
III	Các lĩnh vực hoạt động kinh tế		13	3					3.165.523	1.541.578	-	2.244.363	-	-	291.000	291.000	1.832.578	16		
III.1	Lĩnh vực hạ tầng giao thông		10						2.784.186	1.296.368	-	2.005.152	-	-	230.000	230.000	1.526.368	10		
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015		6						2.199.547	833.368	-	1.687.024	-	-	94.000	94.000	927.368	6		
1	Cải tạo, nâng cấp mở rộng và chỉnh trang tuyến đường Quốc lộ 6, đoạn km 19+920 đến km 22+220, qua địa phận thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ		1		Chương Mỹ	2012-2020	6,3 km	3274/QĐ-UBND ngày 26/5/2017; 925/QĐ-UBND ngày 02/3/2020	612.320	395.666		507.277			28.000	28.000	423.666	1	UBND huyện Chương Mỹ	690/UBND ngày 15/4/2020; số kế hoạch 2018 kéo dài bị hủy là 59.275 triệu đồng
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường tỉnh lộ 411C (đoạn Đông Bằng - Yên Kỳ - Tổng Bạt)		1		Ba Vì	2012-2020	7,1km	5354/QĐ-UBND ngày 29/10/2010; 3791/QĐ-UBND ngày 27/7/2018	208.363	97.000		146.407			39.000	39.000	136.000	1	UBND huyện Ba Vì	UBND huyện Ba Vì có Tờ trình số 238/TTr-UBND ngày 21/02/2020, trình SGTVT đề nghị giảm thực hiện DA; số kế hoạch 2018 kéo dài bị hủy là 18.965 triệu đồng
3	Đường tránh QL 32 đoạn qua thị trấn Tây Đằng		1		Ba Vì	2012-2020	8,1km	5195/QĐ-UBND ngày 21/10/2010; 7245/QĐ-UBND ngày 18/10/2017	151.706	93.000		120.951			11.000	11.000	104.000	1	UBND huyện Ba Vì	Huyện có Tờ trình SGTVT điều chỉnh thời gian thực hiện dự án; số kế hoạch 2018 kéo dài bị hủy là 14.182 triệu đồng
4	Xây dựng công trình đường trục phát triển thị xã Sơn Tây, lý trình Km13+740,6 đến Km14+704		1		Sơn Tây	2017-2020	L=963,6m; B=40m	523/QĐ-UBND 21/9/2017; số 6334/QĐ-UBND 20/11/2018; số 1877/QĐ-UBND 18/4/2019	122.693	37.702		103.125			4.000	4.000	41.702	1	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông	CDT đề nghị tại Văn bản số 721/BQLCTGT-KH ngày 16/4/2020; bổ trí KH vốn năm 2020 để chi trả giải phóng mặt bằng và thu công hoàn thành công trình. Chủ đầu tư đã trình Sở XD điều chỉnh dự án tại TT số 30/TTr-BQLCTGT ngày 27/11/2019, theo đó thời gian thực hiện dự án đến quý III/2020
5	Cải tạo, nâng cấp mở rộng quốc lộ 32 đoạn Cầu Diên - Nhón (Km10+420 - Km14+93,65)		1		Đắc Từ Liêm	2010-2020	3,8km	1384/QĐ-BGTVT ngày 11/5/2007; 3539/QĐ-UBND ngày 10/9/2007; 1925/QĐ-BGTVT ngày 30/8/2011	780.965	50.000		507.804			7.000	7.000	57.000	1	UBND quận Bắc Từ Liêm	Chi trả phần GPMB theo kết luận của Thành tra Thành phố; số kế hoạch 2018 kéo dài bị hủy là 19.255 triệu đồng
6	Xây dựng tuyến đường nối từ Quốc lộ 5 vào Khu công nghiệp HAPRO		1		Gia Lâm	2012-2020	6.217m x 7-23-45m	số 1312/QĐ-UBND 10/4/2007; số 5159/QĐ-UBND ngày 21/9/2016; số 1421/QĐ-UBND ngày 27/3/2019	323.600	160.000		301.530			5.000	5.000	165.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	CBT đề nghị tại Văn bản số 721/BQLCTGT-KH ngày 16/4/2020; bổ trí KH vốn năm 2020 cho 24 bộ dân để chi trả giải phóng mặt bằng và thi công hoàn thành công trình; Chủ đầu tư đã trình Sở XD điều chỉnh dự án tại TT số 482/TTr-BQLCTGT ngày 9/12/2019, theo đó thời gian thực hiện dự án đến quý IV/2020
b	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016		2						392.063	300.000	-	224.987	-	-	120.000	120.000	420.000	2		
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường tỉnh lộ 411, km 0+00- km 7+640, đoạn qua địa phận huyện Ba Vì		1		Ba Vì	2016-2020	7,4 km	6432/QĐ-UBND ngày 25/10/2013; số 6750/QĐ-UBND ngày 11/12/2018	214.009	160.000		119.250			85.000	85.000	245.000	1	UBND huyện Ba Vì	Thời gian thực hiện đến hết năm 2020; số kế hoạch 2018 kéo dài bị hủy là 39.478 triệu đồng
2	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường tỉnh lộ 421 đoạn qua địa phận huyện Phúc Thọ		1		Phúc Thọ	2016-2020	4,6km	4950/QĐ-UBND ngày 16/8/2013; 4199/QĐ-UBND ngày 06/9/2019	178.054	140.000		105.737			35.000	35.000	175.000	1	UBND huyện Phúc Thọ	UBND TP đã điều chỉnh thời gian thực hiện đến hết năm 2020; số kế hoạch 2018 kéo dài bị hủy là 36.927 triệu đồng
c	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2017-2019		2						192.576	163.000	-	93.071	-	-	16.000	16.000	179.000	2		
1	Cải tạo, nâng cấp mở rộng đường tỉnh 417 (tỉnh lộ 83 cũ) đoạn Km0 đến Km3+700, huyện Đan Phượng		1		Đan Phượng	2018-2020	3,4km	7724/QĐ-UBND ngày 06/11/2017	132.965	112.000		92.558			9.000	9.000	121.000	1	UBND huyện Đan Phượng	Thời gian thực hiện đến hết năm 2020; số kế hoạch 2018 kéo dài bị hủy là 9.563 triệu đồng
2	Xây dựng đoạn đường nối từ đường Trung Yên 6 ra đường Nguyễn Khang, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội		1		Cầu Giấy	2018-2020	469m	7867/QĐ-UBND ngày 10/11/2017	59.611	51.000		513			7.000	7.000	58.000	1	UBND quận Cầu Giấy	Vốn năm 2019 kéo dài sang năm 2020 là 31 tỷ đồng, hoàn thành năm 2020; số kế hoạch 2018 kéo dài bị hủy là 19.600 triệu đồng
III.2	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước		1	2					192.327	102.210	-	144.184	-	-	20.000	20.000	122.210	3		
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015		1						97.080	14.210	-	78.062	-	-	6.000	6.000	20.210	1		
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào 2 dự án thí điểm xây dựng nhà ở cho công nhân thuê tại xã Kim Chung huyện Đông Anh		1		Đông Anh	2005-2020	3,9 km	6895/QĐ-UBND ngày 13/10/2005; 1390/QĐ-UBND ngày 17/10/2008	97.080	14.210		78.062			6.000	6.000	20.210	1	Công ty CP ĐTXD Hà Nội	Số kế hoạch 2018 kéo dài bị hủy là 6.386 triệu đồng
b	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016		2						95.247	88.000	-	66.122	-	-	14.000	14.000	102.000	2		

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Năng lực Thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn trung hạn 2016-2020 đã		Lấy kế giải ngân vốn từ đầu dự án đến hết ngày 31/01/2020	Kế hoạch vốn năm 2020 được giao	Giải ngân KH 2020 đến hết ngày 24/4/2020	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2020	Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Mức vốn trung hạn sau điều chỉnh	Dự án hoàn thành năm 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó năm 2020									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
1	Cải tạo, công hóa đường Vĩnh Tuy (đoạn phía Bắc đường Minh Khai từ đường Minh Khai đến phố Vĩnh Tuy)			1	Hải Bà Trưng	2016-2020	384 m	5787/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	12.965	11.000		4.627			5.000	5.000	16.000	1	BOLDA DTXDCT cấp nước, thoát nước và môi trường	Số kế hoạch 2018 kéo dài bị hủy là 5.000 triệu đồng
2	Xây dựng hệ thống thoát nước khu công nghiệp hồ trợ Nam Hà Nội (GD1)			1	Phố Xuyên	2016-2020	4.600 m3 ngày đêm	523/QĐ-UBND ngày 03/2/2020	82.282	77.000		61.495			9.000	9.000	86.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	Số kế hoạch 2018 kéo dài bị hủy là 7.770 triệu đồng
III.3	Lĩnh vực đặc biệt	2	1						189.010	143.000	-	95.027	-	-	41.000	41.000	184.000	3		
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2017-2019	2	1						189.010	143.000	-	95.027	-	-	41.000	41.000	184.000	3		
1	Nâng cấp, cải tạo và thay thế hệ thống cấp nước và hệ thống thoát nước tại khu vực phía Bắc huyện Ứng Hòa		1		Ứng Hòa	2014-2020	5.622m	5551/QĐ-UBND ngày 28/10/2014	57.095	51.000		27.488			23.000	23.000	74.000	1	UBND huyện Ứng Hòa	Chỉ đầu tư trình số 42/TTr-UB ngày 10/4/2020; số kế hoạch 2018 kéo dài bị hủy là 23.119 triệu đồng
2	Gieo trồng cây chống sạt lở bờ hữu sông Hồng thuộc địa bàn xã Chu Minh, huyện Ba Vì			1	Ba Vì	2018-2020	990m	7536/QĐ-UBND ngày 31/10/2017, 6244/QĐ-UBND ngày 08/11/2019	28.018	13.300		9.086			14.000	14.000	27.300	1	Ban QLDA ĐTXD công trình Nông nghiệp và PTNT	Bổ sung vốn để hoàn thành dự án (phần điều chỉnh, bổ sung); số kế hoạch 2018 kéo dài bị hủy là 4.184 triệu đồng
3	Kè bờ và sông Đường đoạn thượng và hạ lưu cầu Đường, huyện Gia Lâm và huyện Đông Anh		1		Gia Lâm, Đông Anh	2018-2020	1.205m	7571/QĐ-UBND 31/10/2017,	103.897	78.700		58.453			4.000	4.000	82.700	1	Ban QLDA ĐTXD công trình Nông nghiệp và PTNT	Bổ sung vốn để hoàn thành dự án (phần GPMB, tài chính dự; số kế hoạch 2018 kéo dài bị hủy là 9.862 triệu đồng
V	Lĩnh vực khác	1							106.754	114.500	-	68.724	-	-	5.000	5.000	119.500	1		
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	1							106.754	114.500	-	68.724	-	-	5.000	5.000	119.500	1		
1	Xây dựng tuyến đường gom Bắc Thăng Long - Nội Bài, đoạn qua Khu công nghiệp Quang Minh I		1		Mê Linh	2015-2020	L=1154,7m; B=24m	số 7418/QĐ-UBND 9/12/2013; số 6285/QĐ-UBND 15/11/2016; số 1517/QĐ-UBND 29/3/2018; số 2821/QĐ-UBND 30/4/2019	100.754	114.500		68.724			5.000	5.000	119.500	1	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông	Văn bản số 721/BQLCTGT-KH ngày 16/4/2020, Lĩnh vực công nghiệp; số kế hoạch 2018 kéo dài bị hủy là 27.259 triệu đồng
B2	Dự án đã có trong trung hạn 2016-2020 và cần đầu tư	2	31	4					19.301.025	5.974.311	1.272.506	7.362.742	1.095.000	179.458	1.039.800	2.134.800	6.836.605	10		
1	Lĩnh vực giáo dục đào tạo và dạy nghề	2	1						178.889	63.000	63.000	1.117	53.000	1.425	47.000	100.000	100.000			
	Dự án khởi công mới năm 2020	2	1						178.889	63.000	63.000	1.117	53.000	1.425	47.000	100.000	100.000			
1	Cải tạo, nâng cấp trường trung học phổ thông Tiến Thịnh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội		1		Mê Linh	2020-2021	30 phòng học và các công trình phụ trợ	6109/QĐ-UBND 31/10/2019	44.939	19.000	19.000	-	19.000	500	11.000	30.000	30.000		UBND huyện Mê Linh	Dự án cần đẩy nhanh tiến độ trong dịp hè và có khả năng giải ngân vốn
2	Cải tạo, nâng cấp trường trung học phổ thông Mê Linh, huyện Mê Linh		1		Mê Linh	2019-2021	45 phòng học và các hạng mục phụ trợ	6110/QĐ-UBND 31/10/2019	89.050	30.000	30.000	817	20.000	925	20.000	40.000	40.000		UBND huyện Mê Linh	Dự án cần đẩy nhanh tiến độ trong dịp hè và có khả năng giải ngân vốn
3	Xây dựng, mở rộng Trường THPT Kim Anh			1	Sóc Sơn	2020-2021	22 phòng học và các hạng mục phụ trợ	6013/QĐ-UBND 29/10/2019	44.900	14.000	14.000	300	14.000		16.000	30.000	30.000		UBND huyện Sóc Sơn	Dự án cần đẩy nhanh tiến độ trong dịp hè và có khả năng giải ngân vốn
II	Lĩnh vực quốc phòng	1							55.000	23.000	23.000	-	23.000	-	10.000	33.000	33.000			
	Dự án khởi công mới năm 2020	1							55.000	23.000	23.000	-	23.000	-	10.000	33.000	33.000			
1	Đoanh trại Ban chỉ huy Quân sự quận Bắc Từ Liêm		1		Bắc Từ Liêm	2020-2021	7900m2	4889/QĐ-BQP ngày 30/10/2019	55.000	23.000	23.000		23.000		10.000	33.000	33.000		Bộ Tư lệnh Thủ đô	Dự án cần đẩy nhanh tiến độ và có khả năng giải ngân vốn
III	Lĩnh vực an ninh	4							266.503	228.000	75.000	145.734	75.000	1.894	20.000	95.000	248.000	4		
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2019	4							266.503	228.000	75.000	145.734	75.000	1.894	20.000	95.000	248.000	4		
1	Xây dựng trụ sở làm việc Công an huyện Thanh Oai thuộc Công an thành phố Hà Nội		1		Thanh Oai	2019-2020		số 5753/QĐ-UBND, ngày 25/10/2018	53.398	45.000	15.000	24.498	15.000	53	5.000	20.000	50.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình văn hóa - xã hội TP HN	- Dự kiến thành toán đến hết năm 2020 là 44.892,9 triệu đồng, trong đó: + Giải 3-TVTK (90%): 211,6 triệu đồng; + Giải 6-TN Nắm tình cơ (99%): 169,7 triệu đồng; + Giải 7-TCXL (93%): 42.914,3 triệu đồng; + Giải 8-TVGS (99%): 913,3 triệu đồng
2	Xây dựng trụ sở làm việc Công an huyện Ba Vì thuộc Công an thành phố Hà Nội		1		Ba Vì	2019-2020		Số 5365/QĐ-UBND ngày 08/10/2018	59.296	50.000	25.000	24.939	25.000	779	5.000	30.000	55.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình văn hóa - xã hội TP HN	Dự kiến hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng tháng 10/2020. Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành
3	Xây dựng trụ sở làm việc Công an quận Hà Đông thuộc Công an thành phố Hà Nội		1		Hà Đông	2019-2020		Số 5997/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	86.636	75.000	35.000	38.837	35.000	1.062	5.000	40.000	80.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình văn hóa - xã hội TP HN	Dự kiến hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng tháng 10/2020. Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành
4	Sửa chữa, bảo trì, lắp đặt bổ sung, thay thế linh kiện, thiết bị và phương tiện phòng cháy và chữa cháy đã được trang bị, lắp đặt theo thiết kế ban đầu tại các chung cư tại định cư khu Trung Hòa, Nhân Chính, Trung Yên, Hà Đình, Mê Trì Hạ (26 vị trí)		1		Cầu Giấy	2019-2020		5969/QĐ-UBND 31/10/2018	67.173	58.000		57.460			5.000	5.000	63.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình văn hóa - xã hội TP HN	Đã hoàn thành, đang làm công tác bàn giao, vốn kéo dài 540; bổ sung vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành
IV	Lĩnh vực y tế	3							1.412.626	752.000	150.000	674.142	150.000	50.327	100.000	250.000	852.000	1		
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	1							640.468	362.000	50.000	384.164	50.000	3.371	40.000	90.000	402.000	1		

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Năng lực Thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn trung hạn 2016-2020 đã		Lũy kế giải ngân vốn từ đầu dự án đến hết ngày 31/01/2020	Kế hoạch vốn năm 2020 được giao	Giải ngân KH 2020 đến hết ngày 24/4/2020	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2020	Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Mức vốn trung hạn sau điều chỉnh	Dự án hoàn thành năm 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó năm 2020									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
1	Mở rộng và nâng cấp bệnh viện Đa khoa huyện Ba Vì đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng II		1		Ba Vì	2017-2020	400 giường	5732/QĐ-UBND ngày 24/10/2018	640.468	362.000	50.000	384.164	50.000	3.371	40.000	90.000	402.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình văn hóa - xã hội TP HN	Dự án cần đẩy nhanh tiến độ và có khả năng giải ngân vốn
b	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2019		2						772.158	390.000	100.000	289.978	100.000	46.956	60.000	160.000	450.000			
1	Dự án Cải tạo Bệnh viện đa khoa Hà Đông		1		Hà Đông	2020-2022	350 giường	6024/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	303.166	180.000	50.000	129.979	50.000		10.000	60.000	190.000		Ban QLDA ĐTXD công trình văn hóa - xã hội TP HN	Dự án cần đẩy nhanh tiến độ và có khả năng giải ngân vốn
2	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Đa Khoa Sơn Tây		1		Sơn Tây	2020-2022	360 giường	6024/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	468.992	210.000	50.000	159.999	50.000	46.956	50.000	100.000	260.000		Ban QLDA ĐTXD công trình văn hóa - xã hội TP HN	Dự án cần đẩy nhanh tiến độ và có khả năng giải ngân vốn
V	Lĩnh vực văn hóa thông tin	1	1	1					1.478.445	32.506	26.506	-	20.000	-	35.500	55.500	61.500			
	Dự án khôn công mới năm 2020	1	1	1					1.478.445	32.506	26.506	-	20.000	-	35.500	55.500	61.500			
1	Chuyển đổi công nghệ phát thanh Đài Phát thanh và truyền hình Hà Nội giai đoạn 2016-2020		1		Phù đồ, Nam Từ Liêm	2019-2020	Chuyển đổi công nghệ thiết bị phát thanh	2606/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	98.554	20.000	20.000		20.000			24.000	44.000	44.000	Đài PT - TH Hà Nội	Dự án cần đẩy nhanh tiến độ và có khả năng giải ngân vốn
2	Dự án xây dựng Cung thiếu nhi Hà Nội	1			Nam Từ Liêm	2021-2025		3836/QĐ-UBND ngày 16/7/2019	1.376.500	11.000	5.000				10.000	10.000	16.000		Ban QLDA ĐTXD công trình văn hóa - xã hội TP HN	Ngày 11/3/2020, đã được phê duyệt bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu một số gói thầu phục vụ công tác điều chỉnh dự án tại QĐ số 1028/QĐ-UBND
3	Dự án Xây mới nhà học nghề và thể chất Làng trẻ em Bùi La Hà Nội (vốn đối ứng)		1		Cầu Giấy	2019-2020	400m2	6145/QĐ-UBND ngày 01/11/2019	3.391	1.506	1.506	-			1.500	1.500	1.500		Làng trẻ em Bùi La	
	Vốn ODA cấp phát								1.885											
	Vốn ODA vay lại																			
	Vốn trung nước								1.506	1.506	1.506	-			1.500	1.500	1.500			
VI	Các lĩnh vực hoạt động kinh tế	1	19	2					15.538.684	4.675.805	885.000	6.391.249	724.000	89.249	716.300	1.440.300	5.231.105	5		
VI.1	Lĩnh vực hạ tầng giao thông	1	13	2					14.419.664	4.318.985	741.000	6.164.705	581.000	85.748	583.300	1.164.300	4.742.285	4		
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	1							6.661.757	60.600	5.000	5.051.410			5.000	5.000	60.600			
1	Xây dựng đường 5 kéo dài (Cầu Chui-Cầu Đống Trô-Phường Trách-Bắc Thăng Long)	1			Đống Anh, Long Biên	2005-2014	L= 13,32 Km, B=64m	số 1881/QĐ-UBND ngày 15/4/2005; số 909/QĐ-UBND ngày 07/2/2012	6.661.757	60.600	5.000	5.051.410			5.000	5.000	60.600		Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông	Thanh toán khối lượng thực hiện
b	Dự án chuyển tiếp năm 2016		1						3.113.000	2.819.806	10.000	719.374	10.000	3.864	20.000	30.000	2.839.806	1		
1	Công trình trọng điểm 2016-2020: Mở rộng đường Vành đai 3: đoạn Mai Dịch - Cầu Thăng Long		1		Cầu Giấy, Bắc Từ Liêm	2016-2020	L=5,5km; B=56-60m	số 163/QĐ-BGTVT ngày 14/01/2010, số 3099/QĐ-UBND ngày 15/6/2016; số 7240/QĐ-UBND 18/10/2017, số 8922/QĐ-UBND 22/02/2019; số 922/QĐ-UBND 02/3/2020	3.113.000	2.819.806	10.000	719.374	10.000	3.864	20.000	30.000	2.839.806	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	CĐT đề nghị tại Văn bản số 721/BQLCTGT-KH ngày 16/4/2020, bổ trợ bổ sung KH vốn năm 2020 để thi công hoàn thành công trình
c	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2019		7						3.301.217	1.212.579	500.000	393.921	347.000	47.083	219.000	566.000	1.278.579	2		
1	Đầu tư xây dựng tuyến đường Vành đai 3 đi thấp qua bộ Lĩnh Đàm và nhánh kết nối với đường Vành đai 3	1			Hoàng Mai	2018-2020	02 cầu; - Bên trái: Lc =263,67m; 08 nhịp (32+6x33+32)m B=13m; - Bên phải: Lc =285,7m; 09 nhịp (18+7x33+24)m B=13m; - 2 nhánh kết nối: L=559,29m; B=7m	CTT: số 463/HĐND-KTNS ngày 14/9/2017; DA: số 5594/QĐ-UBND ngày 18/10/2018	341.672	193.619	90.000	104.502	90.000	10.991	10.000	100.000	203.619		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	CĐT đề nghị tại Văn bản số 721/BQLCTGT-KH ngày 16/4/2020, bổ trợ bổ sung KH vốn năm 2020 để thi công hoàn thành công trình

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Năng lực Thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn trung hạn 2016-2020 đã		Lấy kế giải ngân vốn từ đầu dự án đến hết ngày 31/01/2020	Kế hoạch vốn năm 2020 được giao	Giải ngân KH 2020 đến hết ngày 24/4/2020	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2020	Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Mức vốn trung hạn sau điều chỉnh	Dự án hoàn thành năm 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó năm 2020									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
2	Xây dựng hoàn chỉnh theo quy hoạch nút giao đường Vành đai 3 với đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng		1		Long Biên, Gia Lâm	2019-2021	- Hướng HN3-HP L=1.485,74 m; B=33m - Hướng đường VĐ3: L=620m; B=26,5m; 02 cầu vượt (Lc= 82,1m, 2 nhịp 35m; Bc=12,5m); 06 nhánh kết nối; 01 DG; Lg=277,76 m; Bg=5,5m	CTr: số 12/NQ-UBND ngày 05/12/2018; DA: số 3213/QĐ-UBND ngày 14/6/2019	402.161	172.000	80.000	90.197	80.000	29.408	40.000	120.000	212.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	Văn bản số 721/BQLCTGT-KH ngày 16/4/2020
3	Xây dựng đường nối Khu đô thị vệ tinh với đường Võ Nguyên Giáp, huyện Sóc Sơn		1		Sóc Sơn	2019-2021	L=3,65km; B=40-50m	1383/QĐ-UBND ngày 26/3/2019	658.935	130.000	70.000	500	70.000	622	50.000	120.000	180.000		UBND huyện Sóc Sơn	số 847/UBND-QLDA, 15/5/2020
4	Dự án xây dựng đường nối QL32 - nghĩa trang Yên Kỳ - hồ Suối Hai (giai đoạn I), huyện Ba Vì		1		Ba Vì	2018-2020	7,6km, B=30m (gđ I lần trước I lần 9m)	8546/QĐ-UBND 4/12/2017	165.604	120.000	50.000	59.255	27.000	6.062	30.000	57.000	127.000		UBND huyện Ba Vì	Bổ sung để tiếp tục thi công thực hiện Dự án
5	Đầu tư xây dựng cầu Chước, tỉnh lộ 427, huyện Thường Tín		1		Thường Tín	2017-2020	L=1,181Km Lc=0,081Km; 03 nhịp (24m+33m+24m); Bc=18,5m; Bđ=22,5m	6341/QĐ-UBND ngày 18/11/2016; 1567/QĐ-UBND ngày 16/4/2020	115.544	105.960	5.000	72.084			3.000	3.000	103.960	1	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông	CDT đề nghị tại Văn bản số 721/BQLCTGT-KH ngày 16/4/2020, bổ trí KH vốn năm 2020 để chi trả giải phóng mặt bằng cho 14 hộ dân và thi công hoàn thành công trình
6	Công trình trọng điểm 2016-2020: Xây dựng đường Tây Thăng Long (đoạn từ đường Phạm Văn Đồng đến đường Văn Tiến Dũng)		1		Bắc Từ Liêm	2017-2021	4,86 km	5995/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 5901/QĐ-UBND ngày 23/10/2019	1.494.473	370.000	200.000		80.000		81.000	161.000	331.000		UBND quận Bắc Từ Liêm	Phục vụ GPMB
7	XD công trình cầu Ai Mỗ, Km1+690 Quốc lộ 21, thị xã Sơn Tây		1		Sơn Tây	2017-2020	Ltc = 74,2m (204+24+20), B= 35m	2321/QĐ-UBND ngày 18/4/2017; 4199/QĐ-UBND ngày 06/8/2019	122.828	121.000	5.000	67.383			5.000	5.000	121.000		Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông	CDT đề nghị tại Văn bản số 721/BQLCTGT-KH ngày 16/4/2020, bổ trí KH vốn năm 2020 để chi trả giải phóng mặt bằng và thi công hoàn thành công trình; Số GTVT đã có Báo cáo số 2406/BC-SGTVT ngày 10/4/2020, được đó thời thời gian thực hiện dự án đến quý II/2020
c Dự án khởi công mới năm 2020			5	2					1.343.690	226.000	226.000		224.000	34.801	339.300	563.300	563.300	1		
1	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 424 (tỉnh lộ 76 cũ) từ chợ bến - Hòn Bính đến khu du lịch Quan Sơn, huyện Mỹ Đức và cầu đáp ứng tại Km4+00 tỉnh lộ 424		1		Mỹ Đức	2020-2021	L=1,8Km; B=21m	6065/QĐ-UBND 31/10/2019	87.227	19.000	19.000	-	19.000	18.829	60.000	79.000	79.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	Bổ sung vốn GPMB để khởi công và thực hiện từ tháng 4 năm 2020 (XL 57 tỷ đồng, GPMB: 19 tỷ đồng, DP 4,9 tỷ đồng), bổ trí hoàn thành năm 2020
2	Nâng cấp, chi tạo đường tỉnh lộ 429C đoạn từ cầu Bàu đến cầu Hữu Xá, huyện Ứng Hòa		1		Ứng Hòa	2019-2022	L=5.433m; B=12-24m	6066/QĐ-UBND 31/10/2019	304.541	55.000	55.000	-	55.000	1.718	90.000	145.000	145.000		UBND huyện Ứng Hòa	Bổ trí vốn để khởi công dự án trong năm 2020 (XL: 190 tỷ đồng, GPMB 85 tỷ đồng)
3	Nâng cấp tuyến tỉnh lộ 428 từ Km6+585 - Km14+780 (TL 75 cũ) từ cầu Quảng Thái (xã Trung Tú) đến cầu Công Nhân (xã Minh Đức), huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội		1		Ứng Hòa	2020-2021	L=8.195m; B=12m	6057/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	179.034	33.000	33.000		33.000	1.438	40.000	73.000	73.000		UBND huyện Ứng Hòa	Bổ trí vốn để khởi công dự án trong năm 2020 (XL: 107 tỷ đồng, GPMB 85 tỷ đồng)
4	Nâng cấp mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ đầu đường tỉnh lộ 427 tới thị trấn Kim Bài		1		Thanh Oai	2020-2022	L=2,610m; B=35m	6021/QĐ-UBND 30/10/2019	345.492	55.000	55.000		55.000	10.316	50.000	105.000	105.000		UBND huyện Thanh Oai	Bổ trí vốn để khởi công dự án trong năm 2020 (XL: 147 tỷ đồng, GPMB 109 tỷ đồng)
5	Đường giao thông trục phát triển phân vùng huyện Phú Xuyên (nối từ tỉnh lộ 428 đến tỉnh lộ 429)		1		Phú Xuyên	2019-2021	L=9,6Km; B=9m	3539/QĐ-UBND 3/7/2019 05/12/2018	283.795	50.000	50.000	-	50.000	2.500	80.000	130.000	130.000		UBND huyện Phú Xuyên	Bổ trí vốn để khởi công dự án trong năm 2020 (XL: 150 tỷ đồng, GPMB 109 tỷ đồng)
6	Xây dựng hệ thống chiếu sáng đường tỉnh 428, 429 và trên đê Sông Hồng thuộc địa bàn huyện Phú Xuyên		1		Phú Xuyên	2020-2021	L=27 km	6017/QĐ-UBND 31/10/2019	38.361	12.000	12.000	-	12.000		18.000	30.000	30.000		UBND huyện Phú Xuyên	Đang đầu tư, dự kiến khởi công tháng 6 năm 2020
7	Dự án hỗ trợ kỹ thuật lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi để xây dựng Tuyến đường sắt đô thị số 8 thành phố Hà Nội		1		Hà Nội	2019-2021		6996/QĐ-UBND ngày 06/12/2019	105.240	2.000	2.000	-			1.300	1.300	1.300		Ban quản lý Đường sắt đô thị Hà Nội	
	Vốn ODA cấp phát								90.240											
	Vốn ODA vay lại									15.000	2.000				1.300	1.300	1.300			
	Vốn trong nước																			
VI.2	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước		4						727.483	283.820	71.000	225.544	70.000	910	93.000	163.000	375.620	1		

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Năng lực Thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn trung hạn 2016-2020 đã		Lý do giải ngân vốn từ đầu tư đến hết ngày 31/01/2020	Kế hoạch vốn năm 2020 được giao	Giải ngân KPI 2020 đến hết ngày 24/4/2020	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2020	Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Mức vốn trung hạn sau điều chỉnh	Dự án hoàn thành năm 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó năm 2020									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	-	1	-	-	-	-	-	297.780	212.820	-	225.544	-	-	15.000	15.000	227.820	1	-	-
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật xung quanh hồ Linh Quang	-	1	-	Đồng Đa	2009-2020	4,95ha	5789/QĐ-UBND ngày 30/10/2015, 1316/QĐ-UBND ngày 05/9/2017, 5245/QĐ-UBND ngày 02/10/2018, 7357/QĐ-UBND ngày 27/12/2019	297.780	212.820	-	225.544	-	-	15.000	15.000	227.820	1	BOLDA ĐTXDCT cấp nước, thoát nước và môi trường	Bổ trí vốn để thanh toán khối lượng đã hoàn thành; số kế hoạch 2018 kéo dài bị hủy là 1.347 triệu đồng
b	Dự án khởi công mới năm 2020	-	3	-	-	-	-	-	429.623	71.000	71.000	-	70.000	910	78.000	148.000	148.000	-	-	-
1	Xây dựng khu tái định cư trên địa bàn khu Đồng Giáp, thôn Sen Đông, xã Tiên Phương, huyện Chương Mỹ	-	1	-	Chương Mỹ	2019-2020	5,45ha	3529/QĐ-UBND ngày 27/2019	119.910	20.000	20.000	-	20.000	-	30.000	50.000	50.000	-	UBND huyện Chương Mỹ	696/UBND ngày 15/4/2020
2	Xây dựng hoàn chỉnh, khớp nối hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp vừa và nhỏ Phú Thị, khu công nghiệp Dương Xá A, huyện Gia Lâm	-	1	-	Gia Lâm	2018-2020	L=3 300m, B=17,25; 30m	5849/QĐ-UBND ngày 21/10/2019	252.973	50.000	50.000	-	50.000	910	40.000	90.000	90.000	-	UBND huyện Gia Lâm	Tăng vốn nhằm đẩy nhanh tiến độ và có khả năng giải ngân vốn.
3	Xây dựng HTKT khu tái định cư phục vụ thu hồi đất một số dự án trên địa bàn thị xã Sơn Tây	-	1	-	Sơn Tây	2020-2021	2,67 ha	2165/QĐ-UBND ngày 5/9/2017, 6697/QĐ-UBND ngày 29/11/2019	56.740	1.000	1.000	-	-	-	8.000	8.000	8.000	-	UBND thị xã Sơn Tây	Thực hiện GPMB và tư vấn
VI.3	Lĩnh vực thủy lợi	-	2	-	-	-	-	-	391.617	73.000	73.000	1.000	73.000	2.591	40.000	113.000	113.000	-	-	-
	Dự án khởi công mới năm 2020	-	2	-	-	-	-	-	391.617	73.000	73.000	1.000	73.000	2.591	40.000	113.000	113.000	-	-	-
1	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tưới trạm bơm Đồng Sơn, huyện Chương Mỹ	-	1	-	Chương Mỹ	2019-2021	Tiêu 200ha; Tưới 1 980ha	6055/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	144.675	28.000	28.000	500	28.000	868	15.000	43.000	43.000	-	Ban QLDA ĐTXD CT Nông nghiệp và PTNT	Tăng vốn nhằm đẩy nhanh tiến độ và có khả năng giải ngân vốn.
2	Xây dựng mới trạm bơm và hoàn chỉnh hệ thống tiêu Yên Sơn, huyện Quốc Oai (Trạm bơm tiêu Yên Sơn)	-	1	-	Quốc Oai	2019-2022	Tiêu 1490ha	6129/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	246.942	45.000	45.000	500	45.000	1.723	25.000	70.000	70.000	-	Ban QLDA ĐTXD CT Nông nghiệp và PTNT	Tăng vốn nhằm đẩy nhanh tiến độ và có khả năng giải ngân vốn.
VII	Lĩnh vực hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đoàn thể	-	1	-	-	-	-	-	370.878	200.000	50.000	150.500	50.000	36.563	111.000	161.000	311.000	-	-	-
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2019	-	1	-	-	-	-	-	370.878	200.000	50.000	150.500	50.000	36.563	111.000	161.000	311.000	-	-	-
1	Xây dựng trụ sở làm việc Quận ủy, HĐND - UBND quận Bắc Từ Liêm	-	1	-	Bắc Từ Liêm	2017-2020	DTXD, 5.536m2, 01 tầng hầm, 04 tầng nổi, 01 tầng mái	5876/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	370.878	200.000	50.000	150.500	50.000	36.563	111.000	161.000	311.000	-	UBND quận Bắc Từ Liêm	Bổ sung vốn để thực hiện thi công hoàn thành công trình trong năm 2020
B3	Dự án mới trong danh mục hoàn thiện công tác chuẩn bị đầu tư thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 (danh mục 65 dự án)	-	5	2	-	-	-	-	1.534.181	-	-	-	-	-	244.900	244.000	244.000	-	-	-
1	Các lĩnh vực hoạt động kinh tế	-	4	1	-	-	-	-	1.445.426	-	-	-	-	-	200.000	200.000	200.000	-	-	-
I.1	Lĩnh vực hạ tầng giao thông	-	2	1	-	-	-	-	492.252	-	-	-	-	-	155.800	155.000	155.000	-	-	-
1	Nâng cấp tuyến tỉnh lộ 428 (từ Quốc lộ 1A đi Minh Tân, Quang Lăng)	-	1	-	Phủ Xuyên	2019-2021	L=7,5Km, B=21m	275/QĐ-UBND ngày 14/01/2020	316.430	-	-	-	-	-	60.000	60.000	60.000	-	UBND huyện Phú Xuyên	Lập TKBVTC- DT và chuẩn bị GPMB (XL: 139 tỷ đồng, GPMB: 136 tỷ đồng)
2	Đường tránh tỉnh lộ 419 đi khu du lịch Chùa Hương (đoạn từ cầu Đồng Bình đến bến xe Hội Xá), Hà Nội	-	1	-	Mỹ Đức	2020-2021	5,2 km	638/QĐ-UBND ngày 05/02/2020	127.182	-	-	-	-	-	60.000	60.000	60.000	-	UBND huyện Mỹ Đức	Năm trong 64 danh mục hoàn thiện thủ tục đầu tư, được cấp nhất vào kế hoạch đầu tư công trung hạn vào kỳ họp HĐND TP cuối năm, khởi công quý III năm 2020
3	Đường giao thông kết hợp hệ thống thoát nước khu du lịch Chùa Hương, huyện Mỹ Đức	-	1	-	Mỹ Đức	2020-2021	2,9 km	7103/QĐ-UBND ngày 16/12/2019	48.640	-	-	-	-	-	35.000	35.000	35.000	-	UBND huyện Mỹ Đức	Năm trong 64 danh mục hoàn thiện thủ tục đầu tư, được cấp nhất vào kế hoạch đầu tư công trung hạn vào kỳ họp HĐND TP cuối năm, khởi công quý III năm 2020
I.2	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước	-	2	-	-	-	-	-	953.174	-	-	-	-	-	45.000	45.000	45.000	-	-	-
1	Dự án Hệ thống thoát nước, hồ điện hóa, trạm bơm tiêu Vĩnh Thanh, huyện Đông Anh, Hà Nội	-	1	-	Đông Anh	2019-2021	35m3/s	6126/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	817.629	-	-	-	-	-	40.000	40.000	40.000	-	BOLDA ĐTXDCT cấp nước, thoát nước và môi trường	Lập TKKT-DT và GPMB
2	Hoàn thiện và khớp nối HTKT khu 7,2 ha Vĩnh Phúc, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình	-	1	-	Ba Đình	2020-2022	L=400m; B=11,5m; 17,5m	6588/QĐ-UBND ngày 13/11/2019	135.545	-	-	-	-	-	5.000	5.000	5.000	-	UBND quận Ba Đình	số 578/UBND-TCKH, ngày 16/4/2020
II	Lĩnh vực khác	-	1	1	-	-	-	-	88.755	-	-	-	-	-	44.000	44.000	44.000	-	-	-
1	Đầu tư xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Thương Tín, thành phố Hà Nội	-	1	-	Thương Tín	2018-2020	5000m2	942/QĐ-UBND ngày 28/02/2018	24.367	-	-	-	-	-	10.000	10.000	10.000	-	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp	Bổ trí vốn nhằm khởi công dự án trong năm 2020
2	Đầu tư nghệ thuật điểm công nghệ ô tô cấp độ quốc tế tại trường cao đẳng nghề Công nghệ cao Hà Nội	-	1	-	Nam Từ Liêm	2019-2020	Mục sân thiết bị nghệ ô tô	1027/QĐ-UBND ngày 11/3/2020	64.388	-	-	-	-	-	34.000	34.000	34.000	-	Trường cao đẳng nghề công nghệ Hà Nội	Dự án thuộc Chương trình 04/Cu-TU của Thành ủy, UBND chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện
B4	Dự án mới chưa thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 (Các dự án cấp bách để điều)	-	18	-	-	-	-	-	222.403	-	-	-	-	-	174.700	174.700	174.700	17	-	-
1	Các lĩnh vực hoạt động kinh tế	-	18	-	-	-	-	-	222.403	-	-	-	-	-	174.700	174.700	174.700	17	-	-
I.1	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước	-	1	-	-	-	-	-	28.367	-	-	-	-	-	14.000	14.000	14.000	-	-	-

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn trung hạn 2016-2020 đã		Lấy kế giải ngân vốn từ đầu dự án đến hết ngày 31/01/2020	Kế hoạch vốn năm 2020 được giao	Giải ngân KH 2020 đến hết ngày 24/4/2020	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2020	Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Mức vốn trung hạn sau điều chỉnh	Dự án hoàn thành năm 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trung độ năm 2020									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
1	Xây dựng hệ thống chiếu sáng các tuyến đường tỉnh 425, 426, 429B trên địa bàn huyện Ứng Hòa				Ứng Hòa	2020-2021	22,8 km	1470/QĐ-UBND ngày 13/4/2020	28.367						14.000	14.000	14.000		UBND huyện Ứng Hòa	Đây là các dự án dân sinh bức xúc. Các tuyến đường này đang được đầu tư, đề nghị đầu tư hạng mục chiếu sáng để đồng bộ hệ thống kỹ thuật.
1.2	Lĩnh vực đề xuất				17				194.036						160.700	160.700	160.700	17		
1	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ sông Hồng tại vị trí K26+00 đến K26+600 xã Cửu Thương, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội				Ba Vì	2019-2020	617m	2064/QĐ-SNN ngày 31/10/2019	32.052						15.000	15.000	15.000	1	UBND huyện Ba Vì	Đã bố trí từ nguồn dự phòng 16,700 triệu đồng
2	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở Đê hữu Bàu đoạn từ Hạng Cồn di Địa Phấn, đoạn đê Cầu Thối xã Nam Phương Tiến, Đê Khúc Bàng, đê hữu Bàu đoạn qua thôn Tiến Tiến và Tân Tiến, huyện Chương Mỹ				Chương Mỹ	2019-2020	1.816m	2097/QĐ-SNN ngày 31/10/2019	14.246						13.000	13.000	13.000	1	Sở Nông nghiệp và PTNT	Dự án khẩn cấp đã thực hiện, bố trí vốn thanh toán khối lượng
3	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở bờ sông Hồng, đê hữu Đuống, huyện Gia Lâm				Chương Mỹ	2019-2020	120m	2106/QĐ-SNN ngày 31/10/2019	8.742						8.000	8.000	8.000	1	Sở Nông nghiệp và PTNT	Dự án khẩn cấp đã thực hiện, bố trí vốn thanh toán khối lượng
4	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở Đê Hữu Bàu đoạn qua thôn Mỹ Lương, xã Mỹ Lương, huyện Chương Mỹ				Chương Mỹ	2019-2020	100m	2111/QĐ-SNN ngày 31/10/2019	2.204						2.000	2.000	2.000	1	Sở Nông nghiệp và PTNT	Dự án khẩn cấp đã thực hiện, bố trí vốn thanh toán khối lượng
5	Xử lý cấp bách sự cố sạt trượt mái đê hữu Dãy khu vực K13+450 thuộc địa bàn thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai				Quốc Oai	2019-2020	387m	378/QĐ-SNN ngày 01/4/2020	2.681						2.100	2.100	2.100	1	Sở Nông nghiệp và PTNT	Dự án khẩn cấp đã thực hiện, bố trí vốn thanh toán khối lượng
6	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở Đê Tả Tịch đoạn từ công Khúc Vay xã Cầu Hữu đến trạm bơm Đông Sơn huyện Chương Mỹ				Chương Mỹ	2019-2020	554m	403/QĐ-SNN ngày 15/4/2020	4.977						4.500	4.500	4.500	1	Sở Nông nghiệp và PTNT	Dự án khẩn cấp đã thực hiện, bố trí vốn thanh toán khối lượng
7	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ sông Hồng K52+500 - K52+800 phường Liên Mạc, quận Bắc Từ Liêm				Bắc Từ Liêm	2019-2020	291m	455/QĐ-SNN ngày 15/4/2020	33.835						31.000	31.000	31.000	1	Sở Nông nghiệp và PTNT	Dự án khẩn cấp đã thực hiện, bố trí vốn thanh toán khối lượng
8	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ sông Hồng từ K14+450 đến K2+250 đê hữu Đà, xã Thuận Mỹ, huyện Ba Vì				Ba Vì	2019-2020	310m	483/QĐ-SNN ngày 17/4/2020	14.956						14.000	14.000	14.000	1	Sở Nông nghiệp và PTNT	Dự án khẩn cấp đã thực hiện, bố trí vốn thanh toán khối lượng
9	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở Đê Đồng Trĩ xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ				Chương Mỹ	2019-2020	620m	484/QĐ-SNN ngày 17/4/2020	4.692						4.100	4.100	4.100	1	Sở Nông nghiệp và PTNT	Dự án khẩn cấp đã thực hiện, bố trí vốn thanh toán khối lượng
10	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở bờ sông Hồng thuộc khu dân cư số 5 thôn Chu Châu, xã Minh Châu, huyện Ba Vì				Ba Vì	2019-2020	428m	485/QĐ-SNN ngày 17/4/2020	4.539						4.000	4.000	4.000	1	UBND huyện Ba Vì	Dự án khẩn cấp đã thực hiện, bố trí vốn thanh toán khối lượng
11	Xử lý cấp bách sự cố sạt trượt mái đê từ K25+600 đến K25+750 đê hữu Cầu, xã Bắc Phú, huyện Sóc Sơn				Sóc Sơn	2019-2020	250m	487/QĐ-SNN ngày 20/4/2020	8.042						7.000	7.000	7.000	1	Sở Nông nghiệp và PTNT	Dự án khẩn cấp đã thực hiện, bố trí vốn thanh toán khối lượng
12	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở chân đê Cổ Đô đoạn từ K7+110 (mô hình số 9) đến K7+420 (sau mô hình số 10-50m) đê hữu Hồng, xã Cổ Đô, huyện Ba Vì				Ba Vì	2019-2020	333m	490/QĐ-SNN ngày 20/4/2020	5.984						5.000	5.000	5.000	1	Sở Nông nghiệp và PTNT	Dự án khẩn cấp đã thực hiện, bố trí vốn thanh toán khối lượng
13	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở bờ sông Cầu, khu vực xóm 11, thôn Ngõ Đạo, xã Tân Hưng, huyện Sóc Sơn				Sóc Sơn	2019-2020	203m	491/QĐ-SNN ngày 20/4/2020	9.480						8.500	8.500	8.500	1	Sở Nông nghiệp và PTNT	Dự án khẩn cấp đã thực hiện, bố trí vốn thanh toán khối lượng
14	Xử lý cấp bách sự cố hư hỏng tường chắn phía chân đê giáp ngõ 733 đường Minh Khai, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng				Hai Bà Trưng	2019-2020	14m	492/QĐ-SNN ngày 20/4/2020	326						300	300	300	1	Sở Nông nghiệp và PTNT	Dự án khẩn cấp đã thực hiện, bố trí vốn thanh toán khối lượng
15	Xử lý cấp bách chống sạt lở đê tả sông Cà Lồ từ K15+400 đến K15+700 thuộc thôn Đại Táo, xã Xuân Giang và sạt lở thượng lưu đê bờ sông Cà Lồ thôn Phú Yên, xã Xuân Thu, huyện Sóc Sơn				Sóc Sơn	2019-2020	246m	496/QĐ-SNN ngày 20/4/2020	11.555						10.000	10.000	10.000	1	Sở Nông nghiệp và PTNT	Dự án khẩn cấp đã thực hiện, bố trí vốn thanh toán khối lượng
16	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở đê hữu Bàu đoạn từ cầu Zet di Hữu Văn (xóm Đồng Đậu) xã Tả Động, huyện Chương Mỹ				Chương Mỹ	2019-2020	352m	497/QĐ-SNN ngày 20/4/2020	3.205						3.200	3.200	3.200	1	UBND huyện Chương Mỹ	Dự án khẩn cấp đã thực hiện, bố trí vốn thanh toán khối lượng
17	Xử lý cấp bách nâng cấp đê tả Bàu (đoạn từ trạm bơm Trung Hoàng đến hết thôn Thanh Bình)				Chương Mỹ	2019-2020	1.300m	493/QĐ-SNN ngày 20/4/2020	32.520						29.000	29.000	29.000	1	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND Thành phố đã có Văn bản số 1585/UBND-KT ngày 29/4/2020 chấp thuận về việc lựa chọn phương án kỹ thuật của Dự án theo đề xuất của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 302/SNN-KHTC ngày 28/02/2020 và 1144/SNN-KHTC ngày 23/04/2020.

Phụ lục 03
TỔNG ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016-2020 VÀ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2020 DỰ ÁN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU THÀNH PHỐ SỬ DỤNG VỐN NSTP NĂM 2020 (Đợt 1)
(Kèm theo Tờ trình số 66/TT-UBND ngày 15/5/2020 của UBND thành phố Hà Nội)

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Năng lực Thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn trung hạn 2016-2020 đã		Lấy kế giải ngân vốn từ đầu dự án đến hết ngày 31/01/2020	Kế hoạch vốn năm 2020 được giao	Giải ngân KH 2020 đến hết ngày 24/4/2020	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2020	Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Mức vốn trung hạn sau điều chỉnh	Dự án hoàn thành năm 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó năm 2020									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	TỔNG SỐ		1						147.281	100.000	100.000	1.100	100.000		-98.000	2.000	2.000			
	<i>Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2019</i>		1						147.281	100.000	100.000	1.100	100.000		-98.000	2.000	2.000			
	DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH VỐN		1						147.281	100.000	100.000	1.100	100.000		-98.000	2.000	2.000			
	DỰ ÁN TĂNG KẾ HOẠCH VỐN																			
A	Dự án đề nghị giảm kế hoạch vốn 2020		1						147.281	100.000	100.000	1.100	100.000		-98.000	2.000	2.000			
	Các lĩnh vực hoạt động kinh tế		1						147.281	100.000	100.000	1.100	100.000		-98.000	2.000	2.000			
	Lĩnh vực hạ tầng giao thông		1						147.281	100.000	100.000	1.100	100.000		-98.000	2.000	2.000			
	<i>Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2019</i>		1						147.281	100.000	100.000	1.100	100.000		-98.000	2.000	2.000			
1	Công trình trọng điểm 2016-2020 Xây dựng cầu vượt tại nút giao đường Chùa Bộc - Phạm Ngọc Thạch		1		Đống Đa	2019-2020	L=318m (08 Nhịp 30+2x36+4x37+30)m; B=9m	Số 1172/QĐ-UBND ngày 26/02/2014, số 6125/QĐ-UBND ngày 31/10/2015	147.281	100.000	100.000	1.100	100.000		-98.000	2.000	2.000		Ban QLDA BTXD CTGT Thành phố Hà Nội	Vương GPMB
B	Dự án bổ sung danh mục và vốn kế hoạch vốn năm 2020																			

Phụ lục 04
TỔNG ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016-2020 VÀ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2020 CÁC DỰ ÁN THEO CƠ CHẾ ĐẶC THÙ SỬ DỤNG NGUỒN THU TỪ ĐẤT (Dợt 1)
(Kèm theo Tờ trình số 66/TT-UBND ngày 15/12/2020 của UBND thành phố Hà Nội)

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn trung hạn 2016-2020 đã		Lấy kế giải ngân vốn từ đầu dự án đến hết ngày 31/01/2020	Kế hoạch vốn năm 2020 được giao	Giải ngân KCH 2020 đến hết ngày 24/4/2020	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2020	Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Mức vốn trung hạn sau điều chỉnh	Dự án hoàn thành năm 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó năm 2020									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	19	20	21	22
	TỔNG SỐ	6							2.806.468	545.000	420.000	136.906	258.000	70.466	277.000	535.000	660.000			
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2019	1							380.108	225.000	100.000	136.906			31.000	31.000	156.000			
	Dự án khởi công mới năm 2020	5							2.426.360	320.000	320.000		258.000	70.466	246.000	504.000	504.000			
	DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH VỐN																			
	DỰ ÁN TĂNG KẾ HOẠCH VỐN	6							2.806.468	545.000	420.000	136.906	258.000	70.466	277.000	535.000	660.000			
	Dự án đã có trong trung hạn 2016-2020 và cần đối vốn	6							2.806.468	545.000	420.000	136.906	258.000	70.466	277.000	535.000	660.000			
A	Dự án đề nghị giảm kế hoạch vốn 2020																			
B	Dự án bổ sung danh mục và vốn kế hoạch vốn năm 2020	6							2.806.468	545.000	420.000	136.906	258.000	70.466	277.000	535.000	660.000			
	Dự án đã có trong trung hạn 2016-2020 và cần đối vốn	6							2.806.468	545.000	420.000	136.906	258.000	70.466	277.000	535.000	660.000			
	Các lĩnh vực hoạt động kinh tế	6							2.806.468	545.000	420.000	136.906	258.000	70.466	277.000	535.000	660.000			
	Lĩnh vực hạ tầng giao thông	6							2.806.468	545.000	420.000	136.906	258.000	70.466	277.000	535.000	660.000			
I	HUYỆN GIA LÂM	2							667.844	275.000	150.000	136.906			56.000	56.000	181.000			
a	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2019	1							380.108	225.000	100.000	136.906			31.000	31.000	156.000			
1	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch đường Yên Viên - Đình Xuyên - Phú Đồng đến kết nối tại huyện Gia Lâm	1			Gia Lâm	2018-2020	L=2.655m; B=40m	9013/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	380.108	225.000	100.000	136.906			31.000	31.000	156.000		UBND huyện Gia Lâm	Đầu năm 2020 sử dụng vốn kéo dài chưa giao vốn năm 2020, trong này kế giải ngân có 29.912 tỷ đồng nguồn vốn đầu tư của Huyện. Bộ trí vốn để tiếp tục thực hiện dự án
b	Dự án khởi công mới năm 2020	1							287.735,5	50000	50000				25000	25000	25000			
1	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đường Pháo Đài Lữ đến Yên Thường, huyện Gia Lâm	1			Gia Lâm	2017-2021	L=2.989,2m; B=28m	7887/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	287.736	50000	50000				25.000	25.000	25.000		UBND huyện Gia Lâm	Lập TKKT-DT và GPMB
II	HUYỆN HOÀI ĐỨC	4							2.138.624	270.000	270.000		258.000	70.466	221.000	479.000	479.000			
	Dự án khởi công mới năm 2020	4							2.138.624	270.000	270.000		258.000	70.466	221.000	479.000	479.000			
1	Đường ĐH-02, huyện Hoài Đức	1			Hoài Đức	2019-2021	L= 1,62m; B= 30m	5344/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	219.607	40.000	40.000		40.000	637	60.000	100.000	100.000		UBND huyện Hoài Đức	Phân ngân sách còn lại là ngân sách Huyện, bộ trí dự phân ngân sách Thành phố để thực hiện
2	Đường Lôi Yên - Văn Cảnh (từ Đường Liên khu vực 2 đến đường Vành đai 3.5), huyện Hoài Đức	1			Hoài Đức	2019-2021	L= 2,9Km; B= 40m	5343/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	469.885	59.000	59.000		59.000	2.087	50.000	109.000	109.000		UBND huyện Hoài Đức	NSTP đầu tư 50% TMDT; NS huyện Hoài Đức đầu tư 50% TMDT từ nguồn thu tiền sử dụng đất trên địa bàn Huyện. Trình phê duyệt CTĐT tại kỳ họp thứ 7 HĐND TP
3	Đường liên khu vực 1 (đoạn từ Đức Thượng đến Sông Phương), huyện Hoài Đức	1			Hoài Đức	2019-2021	L= 6,3Km; B=40-50m	5342/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	1.027.629	117.000	117.000		105.000	63.835	81.000	186.000	186.000		UBND huyện Hoài Đức	NSTP đầu tư 50% TMDT; NS huyện Hoài Đức đầu tư 50% TMDT từ nguồn thu tiền sử dụng đất trên địa bàn Huyện. Trình phê duyệt CTĐT tại kỳ họp thứ 7 HĐND TP
4	Đường liên khu vực 8 (từ Đại lộ Thăng Long đến đường tỉnh 423), huyện Hoài Đức	1			Hoài Đức	2019-2021	L= 2,5Km; B=50m	5383/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	421.503	54.000	54.000		54.000	3.907	30.000	84.000	84.000		UBND huyện Hoài Đức	NSTP đầu tư 50% TMDT; NS huyện Hoài Đức đầu tư 50% TMDT từ nguồn thu tiền sử dụng đất trên địa bàn Huyện. Trình phê duyệt CTĐT tại kỳ họp thứ 7 HĐND TP

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016-2020 VÀ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2020 CÁC DỰ ÁN TRIỂN KHAI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẰNG NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG, ĐÓNG GÓP TỪ CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG GIAI ĐOẠN 2017-2020 CỦA THÀNH PHỐ (BỘT 1)

(Kèm theo Tờ trình số **66** /TT-UBND ngày **7** /**5** /2020 của UBND thành phố Hà Nội)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Năng lực Thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn trung hạn 2016-2020 đã		Lấy kế giải ngân vốn từ đầu dự án đến hết ngày 31/01/2020	Kế hoạch vốn năm 2020 được giao	Giải ngân KH 2020 đến hết ngày 24/4/2020	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2020	Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Mức vốn trung hạn sau điều chỉnh	Dự án hoàn thành năm 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó năm 2020									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	TỔNG SỐ		1						127.273	127.273		27.193			11.000	11.000	138.273			
	<i>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2017-2019</i>		1						127.273	127.273		27.193			11.000	11.000	138.273			
	DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH VỐN																			
	DỰ ÁN TĂNG KẾ HOẠCH VỐN		1						127.273	127.273		27.193			11.000	11.000	138.273			
	<i>Dự án có số vốn năm 2018 kéo dài sang năm 2019 nhưng không giải ngân hết trong năm 2019, cần bổ sung vốn năm 2020</i>		1		1				127.273	127.273		27.193			11.000	11.000	138.273			
A	Dự án để nghỉ giảm kế hoạch vốn 2020																			
B	Dự án bổ sung danh mục và vốn kế hoạch vốn năm 2020		1						127.273	127.273		27.193			11.000	11.000	138.273			
	<i>Dự án có số vốn năm 2018 kéo dài sang năm 2019 nhưng không giải ngân hết trong năm 2019, cần bổ sung vốn năm 2020</i>		1						127.273	127.273		27.193			11.000	11.000	138.273			
	Các lĩnh vực hoạt động kinh tế		1						127.273	127.273		27.193			11.000	11.000	138.273			
	Lĩnh vực hạ tầng giao thông		1						127.273	127.273		27.193			11.000	11.000	138.273			
	<i>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2017-2019</i>		1						127.273	127.273		27.193			11.000	11.000	138.273			
1	Xây dựng tuyến đường số 3 vào trung tâm khu đô thị Tây Hồ Tây		1		Bắc Từ Liêm - Tây Hồ	2019-2020	1,87 km	5442/QĐ-UBND ngày 16/10/2015	127.273	127.273		27.193			11.000	11.000	138.273		Ban QLDA, ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	Lấy kế giải ngân từ đầu năm 2015 là 1.199 tỷ đồng; Năm 2017: KH năm bổ trí 10 tỷ đồng, giải ngân 9.998 tỷ đồng; Năm 2018: KH năm là 12.322 tỷ đồng, kéo dài 14.678 tỷ đồng và giải ngân KH năm là 12.321 tỷ, giải ngân kéo dài được 3.676 tỷ

GIAO KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2020

(Kèm theo Tờ trình số 66 /TTr-UBND ngày 15/10 của UBND Thành phố Hà Nội)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt dự án		Tổng số vốn ứng trước	Kế hoạch đầu tư NSTW giai đoạn 2016-2020		Tổng số đã thu hồi vốn ứng đến hết năm 2019		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW năm 2020		Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày QĐ	Tổng vốn đầu tư		Tổng số	Trong đó thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Tổng số	Trong đó số vốn đã thu hồi giai đoạn 2016-2020	Tổng số	Trong đó thu hồi vốn ứng trước		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ				3.326.351	1.578.000	458.662	458.662	981.050	181.050	161.600	161.600		
1	Dự án đầu tư phục vụ Đại hội thể thao Châu Á trong nhà lần thứ II (Dự án xây dựng Cung thi đấu điền kinh trong nhà)	Hà Nội	2008-2009	2646/QĐ-UBND ngày 07/7/2008	494.790	450.000	321.851	321.851	181.050	181.050	140.801	140.801	Sở Xây dựng	Thu hồi vốn ứng Ngân sách Trung ương
2	Các dự án, chương trình kỷ niệm 1000 năm Thăng Long, Hà Nội (Dự án Công viên Hòa Bình)	Hà Nội	2002-2010		2.831.561	1.128.000	136.811	136.811	800.000		20.799	20.799	Ban QLDA ĐTXD công trình văn hóa - xã hội TP Hà Nội	Thu hồi vốn ứng Ngân sách Trung ương cho Dự án Công viên Hòa Bình được quyết định đầu tư tại Quyết định số 2510/QĐ-UBND ngày 10/12/2008, TMDT 282.380 triệu đồng; tổng số vốn ứng chưa thu hồi 21.659 triệu đồng